**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Mở đầu](%22%20%5Cl%20%22bm2)

[Muốn Ăn Trứng Nhạn](%22%20%5Cl%20%22bm3)

[Châu Xương, cử Thanh Long Ðao!](%22%20%5Cl%20%22bm4)

[Trao thân con khỉ mốc!](%22%20%5Cl%20%22bm5)

[Cành tre cũ, cặp giò xưa](%22%20%5Cl%20%22bm6)

[Ðổng Trác biết sập giàn](%22%20%5Cl%20%22bm7)

[Ông tướng “thầy ba”](%22%20%5Cl%20%22bm8)

[Ðạo](%22%20%5Cl%20%22bm9)

[Quỷ Vương](%22%20%5Cl%20%22bm10)

[Tiếng hò trong đêm vắng](%22%20%5Cl%20%22bm11)

[Chợ hay quê?](%22%20%5Cl%20%22bm12)

[Các trò ơi, Thầy phen nầy thọ tử](%22%20%5Cl%20%22bm13)

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

**Mở đầu**

***Lời tác giả***

*Ðây là những bài báo. Bởi thế cách hành văn cũng như nội dung đều có tính cách “nhật trình”. Lối văn gần như cẩu thả.*
*Câu chuyện có vẻ nhất thời. Nhưng tôi cứ để nguyên cho xuất bản. Nghĩ rằng: hồi ấy tôi đã để ngòi bút chạy theo giòng ý tưỏng, dầu khéo dầu vụng, cách thuật chuyện cũng được cái đặc điểm là ghi tâm trạng bài lúc viết.*
*Hình ảnh những nhân vật trong chuyện - những người đã cùng tôi sống chung – ngày nay đã mờ trong ký ức.*
*Kể lại một quãng đời phải chăng là sống lại với ngày qua? Có lẽ thế. Nhưng tôi muốn xa hơn: Vẽ một bức trang phong tục và tập quán.*
*Thật là quá cao vọng.*
*Tự thấy còn thấp kém, nhưng tôi vẫn cố gắng. Ðây là những bài đầu, tôi ước mong sẽ có thể viết thêm.*
*Nếu chưa hiến được độc giả những bài đúng theo nguyên tắc tôi đã tự vạch, thì xin hẹn lại ở những bài sau.*
Phi Vân

***Thay lời tựa***

*Chổ hứng thú của quyển phóng sự ấy là nó cho ta thấy những phong tục cũ kỹ ở thôn quê, những tin tưởng dị đoan của hạng bình dân lao động. Nó cho ta thấy những cuộc giao tiếp, xung đột giữa bọn điền chủ và tá điền, những tâm hồn mộc mạc trong bọn này và những vai quyền thế lực của bọn kia. Ðọc qua, chúng ta thấy mình len lỏi chốn đồng quê, đang mục kích những cuộc tụ họp chơi bời, những cảnh cần lao rộn rịp. Thỉnh thoảng như đưa lại giọng hò trầm bổng trong đám gất, như phất lại mùi thơ thanh đạm của lúa vàng.*
*Tác giả lại còn dắt ta đi quanh co trong những sông rạch ở vùng Bạc Liêu, Cà Mau và sao mấy ngày dạo chơi mệt mỏi, tác giả dừng lại cho ta thấy một cảnh sắc êm đềm: Trên bờ sông Trẹm, lững lò mấy làn khói trắng bốc lên và dưới hàng dừa xanh tươi, một thiếu phụ ẵm con đứng đợi chồng về, lâu lâu đuổi bầy gà đang bới trên giồng rau cải. Hoặc giữa đêm trường vắng vẻ, chiếc thuyền xuôi mái theo rách Bần, tác giả mời ta trông lên bờ sau hàng dừa nước âm u, một vài ánh đèn le lói, nghe từa xa đưa lại tiếng chày giã gạo, tiếng chó của đêm...*
*Cho được kể lại rất tài tình những điều quan sát rất kỹ càng, làm cho ta như nghe, như thấy, lúc cảm, lúc vui, tất phải chờ một ngọn bút tỉ mỉ mà linh hoạt, một giọng văng thành thật mà hữu duyên, một cách viết tự nhiên, không rườm rà mà đầy đủ.*
*Ông Phi Vân đã gồm cả mấy điều kiện ấy: Quyển phỏng sự của ông như một tấn tuồng gay cấn đặt trong cảnh trí xanh tươi: Hay là - muốn nói cho rõ hơn – nó là một “nông kịch” chia ra nhiều lớp: có hồi hộp, có vui cười và sau rốt kết cuộc rất thương tâm, khiến cho độc giả phải ngậm ngùi cảm động.*
*Có lẽ đó là bài luân lý sâu sắc mà tác giả không muốn chỉ cho rõ ràng, để ta tự hiểu ngầm mà thương hại cho hạng nông dân lao lực. Họ sống một cuộc đời mộc mạc, siêng năng; nhưng mãn kiếp phải làm nạn nhân cho bọn giàu sang thế lực. Mà cả thảy chúng ta, theo như tác giả nói lại là “nạn nhân của một thời kỳ”; cho nên đối với mọi người ta nên để lòng thương hại và thứ dung, và nên cầu nguyện cho chốn đồng quê được hút vui tươi yên ổn...*
*(Trích lục một đoạn bài diễn văn của giáo sư Nguyễn Văn Kiết chủ tịch ủy ban văn chương của hội Khuyến Học Cần Thơ đọc trong dịp lễ phát giải thưởng văn chương Thủ Khoa Nghĩa năm 1963)*

**Ý Kiến các văn Hữu**

*Ðồng Quê của Phi Vân là loại sách nửa phóng sự, nửa ký sự về phong tục, sinh hoạt ở đồng quê miền Hậu Giang.*
*Chuyện lý thú, văn gẫy gọn, tác giả tỏ cho ta thấy đã đem tâm hồn mình sáp nhập với dân chúng với đất nước.*
*(Ánh sáng Văn Chương)*

*Ðọc Ðồng Quê, bạn sẽ thấy bao nhiêu hủ tục buồn cười và cuộc xung đột của chủ điền và tác điền đã diễn ra ở đồng quê Nam Bộ mà bạn Phi Vân đã vẽ lại bằng ngòi bút rất giản dị và linh hoạt.*
*(Nhật báo Việt Thanh)*

*Tôi tin chắc Ðồng Quê của ông Phi Vân sẽ là một kho tàng vô giá để khảo cứu tiếng địa phương Nam Việt, để góp từ ngữ dùng trong việc học.*
*(Trọng Toàn – Hương Hoa Ðất nước)*

*Những câu chuyện trong Ðồng Quê ai cũng có thể biết được, nhưng tác giả khéo kéo độc giả phải say mê. Khi đọc được một bài, phải đọc một bài nữa và sẽ đọc luôn cho đến hết mà không hề biết chán ở một chỗ nào.*
*(Văn Mai - Nhật báo Thời Cuộc)*

*Trong Ðồng Quê, Tây, Tàu, Việt chen lẫn nhau; mới, cũ tranh giành nhau. Một xã hội thất học, một thời đại hư hèn, một chế độ nguy hại.*
*Các bạn sẽ cùng tác giả nhận xét như thế để rồi với cái đầu óc mới mẻ, với cái bản lĩnh vừa được trui rèn, các bạn sẽ đề nghị một giải pháp, bảo một cách ôn hoà: “phải sửa đổi”*
*(Thuần Phong - Nhật báo Tiếng Dội)*

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Muốn Ăn Trứng Nhạn**

Không biết mỗi bữa trưa hè oi ả, trời nắng nung người, có ai nghe người đàn bà Bạc Liêu đưa võng kẽo cà kẽo kẹt ru con:
Tháng ba cơm gói ra hòn,Muốn ăn trứng nhạn phải lòn hang Mai...Mà ngao ngán nỗi gì không?
Riêng tôi, có một dạo, đang thất thểu trên đường từ Vĩnh Châu ra Biền, nghe được câu hát này, tôi thấy thích thích, đoán chừng rằng Hang Mai có lẽ là ở miền nào xa lắm. Tôi định có ngày đến viếng cho thoả lòng.
Bây giờ tôi đứng trước Hang Mai!
Cho hay nếu mình chịu bước chânđi thì còn lạ gì với những cái tên mà mình cứ tưởng tượng nó ở đầu trời cuối biển nào!
Hang Mai là gì?
Các bạn giàu tưởng tượng đừng cho rằng Hang Mai là một chổ mà vào mùa đông lạnh, hoa mai vươn cánh khoe vàng!
Không, “Mai” đây chỉ có nghĩa là quê mùa cổ lỗ ở chốn đồng quê là... là... Khỉ!
Vậy, Hang Mai tức là hang của loài khỉ.
Kinh Hang Mai ở làng Khánh Lâm (Cà Mau) bắt đầu từ Kinh Biện Nhỉ, phía dưới công sở trổ ra Tiều dừa.
Kêu là “kinh” cho nó oai một chút chớ nó quanh co như “cửu khúc trường xa!” Nó có không biết bao nhiêu ngách và không biết bao nhiêu trấp cản đường.
Ở hai bên bờ, người ta có thể gặp những con trúc, rái, kỳ đà, chồn, ong mật và vô số cá.
Tôi được một lần đi suốt con kinh Hang Mai, và đi một cách “đàng hoàng” vinh diệu.
Ông Xã trong làng gả con gái.
Ông Xã mà gả con gái thì phải biết, cái đám ấy nó long trọng đến bực nào?
Muốn có “cái gì” thêm long trọng hơn nữa, lúc đưa con về nhà chồng, ông lại tìm ngay chúng tôi:
- Thằng Sáu mầy có tài ăn nói, thằng Năm mầy có ngón đàn hay, vậy bây vui lòng theo tao qua bên “đàng trai” cho “rôm” và để bên ấy biết rằng làng mình cũng có lắm “nhân tài”!
Tôi ngồi và vò ngón tóc:
- Từ đây qua rạch “Bà Già Sốc” xa quá cậu à! Vả lại tôi có tật ngủ sớm, hể thức khuya một chút là muốn nằm liệt ra rồi!
- Không sao, xuống ghe tha hồ ngủ, hại gì mậy!
- Úy, thần rừng quỉ bụi đất Khánh Lâm nầy ơi, nhè ở đây mà cậu bảo ngủ dưới ghe cho muỗi mỏng nó tha đi!
- Cái thằng! Không mấy thuở cậu mượn mà lại làm bộ làm tịch!...
Thằng Năm xen vào:
- Ði mầy, ra miệt biển chơi, xuống ghe tao đàn cho mầy nghe, buồn ngủ thế nào được!
Rồi nó láy tôi ra ngoài:
- Mầy ngu lắm, tội tình gì mà để “chúng nó” đi riêng một mình!
- Chúng nào?
- Con Tư ông Chủ, con gái Bộ Liếm, con Tám, chớ còn chúng nào nữa! Tụi nó sẽ đi chung với mình một ghe, gục chung với mình một lượt, chẳng là “sung sướng” lắm à?
\*
\*  \*
Ðường về rạch Bà già Sốc dài trên ba chục cây số, phải đi suốt con kinh Hang Mai dọc ra mé biển.
Ðàng trai lại rước dâu vào lúc mười giờ tối. Lễ xong, chúng tôi cùng nhau xuống ghe lườn. Ðàng trai đi hai ghe, đàng gái theo hai ghe, một ghe ông già bà cả, một ghe thanh niên. Ai trông thấy cũng thì thào khen ngợi, không hỗ danh ông Xã chút nào.
Tôi mắc lo theo đuổi lũ con gái, quên coi thằng Năm nó vác cây đờn kìm thế nào mà lâu lâu cái thùng đờn khua leng keng leng keng in như tiếng chuông của thằng Chệc bán bông cỏ.
Vào một đêm không trăng. Sao đầy trời. Bóng đêm bao phủ nhu bức màn mờ.
Gặp mùa gió bấc, ngồi trong mui chẹt nghe hơi sương xuống, cũng đủ lạnh lùng.
Thỉnh thoảng ngọn gió đồng hiu hắt lùa vào khoang gần tắt phụp ngọn đèn dầu.
Bên ngoài, các anh chèo vừa nhịp mái ăn rập vừa “hò khoan” vang dậy.
Bên trong, ngồi đối diện với mấy cô áo máu xanh đỏ, thằng Năm cảm hứng lên dây Tố lan đờn một bản Vọng cổ rặt “mùi”.
Tôi bị con ma buồn ngủ kéo hai mí mắt gần sụp, nhưng sợ gục lên gục xuống, “con Tám” nó cười, nên rán dềm vững cái cần cổ. Tuy vậy chút chút cái đầu cũng gặc qua được một cái như để nhịp “song lang” giùm cho thằng Năm.
Các cô ngồi thủ thỉ, lâu lâu chăm chú dòm thằng Năm đang “hỉnh mũi” cho mấy ngón tay nhấn vuốt hai sợi dây đờn.
Hố hò khoanCon gái ông BangChe dù che lọng,Con gái bà bóngThổi lửa tắt đèn...Cà rùm tùm beng. Hố hò khoanCon đỉa đeo bà,Con gà cục tác,Mỏ nhát cầm chèo,Con mèo cầm lái,Con rái chạy buồm,Con tôm tát nước...Là cái hố hò khoan...- Ghe ai đó ngừng lại!
Bên ngoài, bỗng có tiếng hét vang lên.
Tiếng hò khoan dứt ngang.
Thằng Năm nhè nhẹ để cây đờn xuống.
Các cô xanh mặt dòm giáo giác.
Tôi đang gục lia cũng hoảng hồn nhảy ra ngoài.
Ba ghe trước đều buông chèo. Ðàng xa hơn, mấy ngọn đuốc sáng lòa từ trên xuồng nhỏ nhô ra.
Dưới ánh sáng, mấy anh chàng lực lưỡng, mình trần trùi trụi, đang phò anh chúa đoàn, bơi ào lại.
- Ăn cướp mầy Năm ơi!
Thằng Năm “mẹ thỏ” vừa nghe tôi kêu cướp đã tuôn ra ngoài phóng đùng xuống kinh lội vô bờ lủi mất.
Các cô run lên cầm cập sa sầm áp níu lấy tôi. Bụng tôi đã thấy điếng mà bị “con Tám” ôm ngang cần cổ lại càng điếng hơn nữa.
- Mấy ghe kia lập tức ngừng lại, thằng Sàng[1]ở đây!
Giọng hét sang sảng như Trương Phi hét Tào Tháo ở cầu Tràng Bản.
Mấy anh chèo bên ghe tôi khiếp đảm cũng nhảy đùng đùng xuống nước.
Tôi vội thổi tắt đèn, xô mấy cô nằm rạp dưới khoang ghe, rồi ngóc đầu lên dòm.
Bọn cướp lục ghe dâu rầm rầm.
Nghe tiếng khóc xen lẫn tiếng hăm doạ, tôi rợn người toan chỗi dậy nhảy đi, nhưng mấy cánh tay các cô bấu chặt như sam, không tài nào gỡ nổi.
Thôi thì, hoạ mang, mang lấy cho cùng, tôi chết sững đợi đến số phận mình.
Nhưng... bọn cướp đã hô “buồm” và mấy chiếc xuồng rẽ nước bắn đi...
Hú vía! Thì ra họ đã “no hàng” ở ghe đàng trai, không cần đến chúng tôi nữa.
Tôi lồm cồm ngồi dậy, đỡ mấy cô áo màu lên. Áo màu không còn là màu nữa. Bùn nước trong khoang ghe đã nhuộm thành rằn ri mất rồi, mà mấy cô chỉ là những tàu lá đang run.
Không kịp lên tiếng hú coi thằng Năm núp ở đâu, và đến coi ghe đàng trước lành dữ thế nào, tôi ngẫm nghĩ bậc cười nhớ đến câu hát trên đường Vĩnh Châu:
Tháng ba cơm gói ra hòn,
Muốn ăn trứng nhạn phải lòn Hang Mai...

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Châu Xương, cử Thanh Long Ðao!**

Hồi ấy bạn tôi và tôi còn gõ đầu trẽ để “kiếm xu mua gạo” trong cái làng mà nghe đến tên, các bạn sẽ rùng mình: Làng Rạch Cóc!
Thằng Năm Quấy (bạn tôi) có tánh liến thoắng, chưa gì đã bàn tìm nơi khác để sanh phương. Anh ta bảo:
- Thôi đi, ta sợ cóc lắm, vô trong ấy, buổi cơm nào người ta cũng ăn toàn là cóc thì chết đói vẫn hoàn chết đói!
Nhưng một tháng sau, chúng tôi đã “quen nước quen cái” với xóm Rách Cóc.
Cóc đâu chẳng thấy, chỉ thấy toàn là thầy Rùa, Thầy Pháp, ông Ðồng, bà Cốt, cô Tư, cô Hai, cô Bảy.
Các bạn đừng thêm: cô Năm Bến Tre, cô Ba Cần Thơ... coi chừng cái cần cổ: mấy cổ vặn họng thì không khéo phải tốn một con gỏi...[2]
Ở đây có xác Ông - tức Quan Công – là được nhiều người rước nhất.
Nhưng muốn cầu Ðức Quan Thánh về thì phải tốn một con heo: con heo ấy, sau khi lễ đàn rồi, lẽ cố nhiên là phải về tay ông Xác.
Chúng tôi đã được xem nhiều lân cách chữa bịnh của xác Ông, và lần nào cũng như lần nào, thấy con heo to tướng đặt ngay bàn giữa, thằng Năm Quấy cũng bảo tôi:
- Cái thằng cha xác không biết nó ăn làm sao cho hết mấy con heo!
Ông Xác làng Rạch Cóc có vẽ oai nghi đặc biệt mà lúc Ông đã nhập vào rồi thì xem còn lẫm liệt hơn nữa.
Và lúc Ðức Quan Vân Trường nạt to:
- Châu Xương, cử Thanh Long đao!... thì ngài liền tung mình đi một bộ võ tuyệt diệu.
Ðứng ngoài xem, tôi cũng phải khen thầm: “Quả thật đệ nhất anh hùng!” còn bao nhiêu khán giả khác đều cúi đầu, mặt lộ vẻ sợ sệ: “Ông đang cử Thanh Long đao, coi chừng!”
Mỗi khi xem tới khúc ấy, thằng Năm Quấy thúc hông tôi, bảo nhỏ:
- Châu Xương chưa kịp cử đao, sao ông hươi sớm thế?
Tôi trả cái thúc lại, cũng bảo nhỏ:
- Câm miệng! Coi chừng Ông vớt trái!
Quên cho các bạn biết chúng tôi đang ở đậu nhà ông Cả trong làng. Một hôm, con gái ông đau. Ông Cả vốn là người không tiếc một con “gỏi”, nên vời ngay xác Ông đến và sửa soạn nhà cửa cho lễ đàn tiện bề tiến hành.
Gia nhân làm thịt một con heo đúng tạ. Thằng Năm Quấy lại bảo với tôi:
- Ðấy! Thêm một con nữa. Mới có ba hôm mà nó đã được hai con rồi, khoái thật!
Tối lại, gần hết dân trong làng đều tề tựu trước nhà ông Cả để chờ xem lễ đàn.
Ðèn đốt sáng trưng. Gia quyến ông Cả đều đứng ngoài nhà trước, chỉ có hai chúng tôi là từ trong ngó ra, không phải chen lấn ở hạng “cá kèo” như mọi lần khác.
Ông đã nhập xác.
Ai nấy đều đứng im.
- Ta là Quan Vân Trường, Hán Thọ đình hầu!
Ông lại còn nói thêm, nói nhiều lắm, hỏi nhiều lắm.
Ông Cả vừa run run vái lạy, vừa lập cập trả lời.
Thằng Năm Quấy thì cứ mải nhìn... mấy cô gái ở hạng “cá kèo”.
- Châu Xương, cử Thanh Long đao!
Tôi đang chăm chú xem, bỗng giật mình đánh thót vì bên tai có tiếng la:
- Dạ!
Thôi chết rồi, thằng Năm Quấy làm sao thế? Ừ chính người lên tiếng là thằng Năm Quấy, mà thằng Năm Quấy bây giờ lại cầm dao phay sáng giới từ chỗ đứng nhãy phắt ra, phùng mang, trợn mắt múa vù vù xem ghê quá.
Trong khán giả, tự nhiên có tiếng xầm xì.
Thằng Năm Quấy múa một vòng như Chệc Sơn Ðông mãi võ, làm khán giả sợ sệt lấn nhau lui xa ra.
Không còn một cái đầu nào dám nhìn lên.
Thằng Năm Quấy vẫn múa.
Tôi đứng cạnh chỗ xác Ông, thấy ngực lão ta phập phồng và miệng lão ta há hốc.
Lúc thằng Năm Quấy múa gần ông ta, tôi nghe có tiếng bảo:
- Chia hai! Chia hai!
Nó múa thêm một vòng nữa rồi quì xuống dưng cây dao ngang mày.
Chụp lấy con dao, mặt Ông trở lại oai nghi, Ông tung mình đi một bộ võ tuyệt diệu.
Khán giả vẫn cúi đầu.
\*\*\*
- Mình phải chia ăn chớ! Mầy xem, mới có ba ngày mà nó được những hai con rồi!
Trời ơi, nghĩ được cái ý ấy, ta sướng quá và phục... tao quá! Tao không thèm cho mầy hay là sợ mầy cản trở. Trong lúc tụi nó lục đục ở nhà trước, tao xuống bếp lấy con dao đem giấu phía sau tấm vách giữa, rồi tao chực hờm khi nói kêu “Cử Thanh Long đao” là nhảy ra. Sẵn trước kia có làm thầy tuồng cho gánh hát Thái Dương của thằng cha Cống Quỳnh, tao có học quơ bậy cặp song tô, nên đến khúc ấy tao chụp dao quậy vù vù cho tụi khán giả sợ lui ra xa.
Tao biết rồi, thế nào thằng chả cũng nói với tao một cái gì, mầy bảo có “thánh” lắm không?

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Trao thân con khỉ mốc!**

Hương Ba càu nhàu: “Cái làng gì mà kỳ khôi quá! Các ông nghĩ: Làm cha mẹ, ai cũng muốn cho con nó được nên vợ nên chồng, đàng này họ mảng bo bo mấy cái hủ tục bắt bẻ từ chút, đòi hỏi từ cái lễ mạn, đã thèm rồi mới chịu gả con gái...
- “Chịu gả” mà có xong cho đâu! Ðây để tới lúc mình tới rước dâu rồi chú coi, chém chết ông Bái hay ông Tộc trưởng bên ấy cũng “vặn anh cai Sót đủ điều...”
Ông Chánh Khá nói thêm một cách chán nản:
- Mà cái xứ gì ở xa tí-mù!
Rồi chán nản nhìn hàng cây mắm ở ven rừng, “giẵm chân” bên bờ sông Ông Ðốc.
Chiếc ghe máy có cái mui ngạo nghễ, khoe những dâyc ờ lon con, giăng từ cột buồm ra sau lái.
Tiếng máy chạy sình sịch.
Trời về chiều.
Tàu chạy hôm nay nữa là hai hôm rồi: sông Ông Ðốc, kinh xáng Bà Kẹo, Ðầm Cùn, kinh xáng Thọ Mai, nhưng xóm Kiến Vàng vẫn còn xa lơ xa lắc.
Họ đàng trai đã mệt nhọc ngồi trong chiếc tàu chật hẹp. Người ta ăn hết ba lượt bánh mì với thịt quay mua ở Cà Mau. Chú rể ngày đầu còn khăn đóng áo dài, hôm sau đã cổi dẹp lại một bên, mặc chiếc áo thun giả ngồi ở trước mủi tàu ngong ngóng, thỉnh thoảng vươn vai hít không khí rồi cú rũ nhìn lũ trẻ trong xóm chạy theo tàu trên bờ sông vỗ tay reo:
- Ê! Ðám cưới!...
“Ði họ” còn có coả ba cô gái: áo tím, áo xanh, “bọt bê” dài thườn thượt.
Các cô tỉ mỉ từng chút, luôn luôn sẽ nhặt sống áo và lai quần hàng thẳng bóng để đôi giày cườm khỏi vướng mà làm lấm hư đi...
Hôm xuống tàu, ba cô chọn một chỗ sạch ngồi nói chuyện với nhau khe khẽ, ai mời ăn gì cũng từ chối, thỉnh thoảng đưa cái bốp đầm lên soi kiếng, sửa lại cái vành môi.
Nhưng hôm nay, ông Chánh Khá đã vắt cái áo đen trên vai và gói cái khăn đóng lại; ông chủ hôn Cai Sót đã nằm ngáp trên chiếc sập con, thì các cô cũng đành chia nhau ăn mấy khúc bánh mì còn sót lại.
Son trên môi đã hoen ố, phấn trên má cũng phai đi từ khoảng. Chiếc khăn mù soa đã được nằm trong túi, không còn đeo đẳng với tay nữa. Vì hai bên bờ, rừng tràm và dừa nước, muỗi nó kêu vang lên như khát máu, đập bằng tay có hiệu nghiệmhơn, chớ cầm cái khăn mà chặm chặm thì nó không thắm tháp vào đâu cả.
Hương Ba càu nhàu mãi, và ngán lần đến lúc ông phải đem khay trầu rượu đi trình đàng sui gái...
Năm nay đã gần tứ tuần, nhưng ông còn có vẻ... thanh xuân! Lần này là lần thứ mười tám ông đi làm rể phụ. Hễ bọn thanh niên trong làng có cưới hỏi, là người ta nhớ đến ông, vì ông đã từ trải lắm rồi, lại biết đủ tục lệ.
Ông thường bảo với bọn trẻ:
- Các cậu đừng tưởng làm rể phụ là dễ đâu. Ðể các cậu lãnh vai ấy thì có mà hỏng bét...
\*\*\*
Anh tài công cho hay:
- Khỏi vàm Mang Giỗ rồi, còn hai cái doi nữa là tới Kiến Vàng!
Trời tối đen. Bầy muỗi tha hồ bu cắn mấy ông đi họ đang sật sử.
Nhưng người ta đã giục nhau:
- Sửa soạn mau lên!
Ông Cai Sót hớt hải:
- Mấy giờ rồi, mấy giờ rồi?
- Mới có mười giờ. Qua giờ Tý mới đúng.
- Thây kệ, giờ nào, tới thì phải lên, đã gần chết rục rồi đây!
Người ta hấp tấp sửa soạn. Hương Ba gò rẫm khăn đóng cho ông Cai Sót; chàng rể gài khuy cho ông Chánh Khá.
Bà sui trai và hai người đàn bà đi họ, mấy ngày giam hãm trong chiếc buồng con đàng sau lái tàu để xới trầu và xỉa thuốc, bây giờ cũng thấy hăng hái xếp đặt lại cái hộp trầu.
Ba cô thiếu nữ nheo mắt lo đánh vội một lớp phấn và rán vẽ được hình trái tim trên đôi môi đỏ óng.
Người ta phủi lại nếp áo, người ta chùi sơ lớp bụi đóng trên mũi giày.
Cây đen tren lủng lẳng giữa tàu giọi trên vách mấy cái bóng người đi đi lại lại.
Ông Hương Ba đã hờm sẳn khay trầu rượu xây qua dặn chàng rể:
- Thanh, mầy bưng cái khay hộp theo tao nhé! Lúc làm lễ, hễ tao đặt khay trầu rượu ở bàn nào thì vợ chồng mầy sẽ lạy ở bàn đó... mà nhớ luôn luôn đứng bên tay trái nghe, “nam tả nữ hữu”, rán học cho nằm lòng! Rồi tiếp:
- Còn tại thằng Trí, bưng mâm, khéo lọt mấy trái cam đa, không được giỡn hớt như ở nhà, ở đây người ta khó lắm, coi chừng!...
Còn thằng nào đó, coi qua cái doi chót thì nhớ đốt pháo lên!
Tiếng pháo bắt đầu nổ vang cả xóm thì xa xa có tràng pháo trả lời.
Trên bờ sông mấy con chó hè nhau đứng sủa...
Tàu ghé bênc ái cầu có nhà mát. Cả đoàn lần lượt lên bờ và sắp hàng có thứ tự đi vô sân, đứng đợi.
Trong nhà khách, ba bốn ông lão đang nói chuyện vang quanh chiếc bàn tròn trải khảm đỏ!
Mấy cây đèn sáp rọi sáng cả gian nhà.
Một bọn trai tráng mặc áo dài đen chạy lăng xăng, pha trà, bưng chén.
Họ đàng trai vẫn đứng ngoài chờ.
Hương Ba nóng ruột:
- Mẽ! Tại sao không có người ra mời?
Một câu nói trịnh trọng từ trong nhà khách đưa ra dường như để trả lời:
- Bây ra ngoài mời họ đàng trai đứng chờ đấy. Chưa tới giờ đâu!
Chưa tới giờ! Mấy tên bưng mâm chán nản. Thằng Trí lầm bầm:
- Ðợi tới giờ thì gãy mẹ cái tay đi còn gì! Mỏi thấy tổ rồi đấy!
Ông rể phụ bực mình ghé vào tai ông Chánh Khá:
- Giượng là trưởng tộc, rán đối đáp! Bây giờ mình cứ việc... Tôi sẽ đém dán đôi liễn, rồi thì mình xin cưới đặng về cho kịp con nước một giờ!
Thế là Hương ba bước liều vô nhà và đến đặt khay trầu rượu trên bàn giữa.
Mấy ông lão trợn tròng.
Ông Bái run run, khẽ kéo cái gọng kiếng sụp xuống chót mũi, đầu nghiêng phía trước, cái búi tóc lọt ra ngoài lớp khăn đóng, dựng đứng lên như tức giận, ngó thẳng vào mặt Hương Ba, dữ tợn.
Nhưng Hương Ba đã chắp tay:
- Dạ... Xin... cho phép tôi... dán đôi liễn.
- À! Dán liễn! Mà đã tới giờ đâu? Không phải các ông muốn tới bắt con gài người ta lúc nào cũng được!...
- Dạ, tôi chỉ xin dán liễn!
Một ông họ gái già sọm có cái mép lởm chởm mấy cọng râu ngắn dài không đều, che mái lưa thưa trên hai làn môi mỏng đang “hăm” lui tuốt vô miệng để cái càm lấn nước nhô ra như một lái tàu xà lúp...: làn da mặt nhăn nhíu khô đét như vỏ cây khô cháy nắng; tất cả sự sống đều dồn về cặp mắt loang loáng chỉ nhìn vòng qua cái gọng kiếng bằng thau; cái khăn đóng quấn suông hai vòng, cao, dầy, để lòi ở từng thượng một búi tóc bạc phơ.
Cả gương mặt có một vẻ gì vừa lạnh lẽo, vừa gay gắt mà một đứa bé con thấy được là phải khóc ngay!
Ông họ ấy đang chăm bẳm nhìn mọi người với những nét nhăn không cảm giác, sực lên tiếng khi nghe Hương Ba nói tới liễn.
- Dán liễn à! Ðược!
Người ta thoáng thấy một cái nhích mép đưa nhẹ chòm râu xéo một bên: Cười hay gây? Nào ai biết!
Hương Ba ngờ ngợ nhìn và lanh lợi:
- Ông Tộc trưởng cho phép chúng tôi dán đôi liễn giao hiếu.
- Ðươc. Coi nào!
Không đợi nhắc, Hương Ba lẹ làng phết hồ lên cột.
Ông Tộc trưởng chậm chạp đứng dậy cầm đèn sáp nhỏ đi theo xem.
Lớp tuổi già đè nặng trên lưng, nhưng ông cũng cố gượng ngước lên, tay giơ cây đèn cao khỏi đỉnh đầu, tay gõ bằng mấy cái móng dài thườn thượt trên lớp liễn đỏ, dò từng nét, từng chữ một và chậm chạp đọc:
-Thừa... long... lạc... ỷ... tam... chi... thọ...
Ông gật gù, nặng nề bước qua cột bên kia. Ánh đèn làm nổi bật mấy nét nhăn và chói sáng cả cái “tầng thượng” trên chiếc khăn đóng: mõi cái gật làm búi tóc lắc lư như con “lật đật” của trẻ con!
-Giá... phụng... quan... thành... bách... lượng... xa!
Rồi bằng một giọng ngâm trầm bổng, ông lặp lại và phê bình:
-Thừa long lạc ỷ tam chi thọ ... Hay!
Giá phụng quan thành bách lượng xa... Cũng hay!
Nhưng mà, ông chủ hôn ơi! Ông cắt nghĩa giùm thử coi câu liễn nó thế nào mà tôi “dốt tối dốt tăm” không hiểu được!
Ông lại chép miệng lầm thầm như tự hỏi:
-Tam chi thọ ? Ba nhánh hay ba họ?...
Ông Chánh Khá nãy giờ đứng rón rén cạnh Hương ba, nghe kêu, vội vàng đưa tay lên sửa vàng khăn đóng, mạnh dạn bưới tới biết rằng “chiến cuộc” đã “khai hấn” và sứ mạng của ông là phải giữ danh dự cho phe nhà:
- Dám thưa ông Tộc trưởng, chúng tôi không phải là kẻ thâm nho, tài hèn chỉ đáng làm môn đệ của ông, nhưng ông đã dạy, tôi xin mạng phép vâng lời, nhờ ông không chấp cho chuyện trước cửa Lỗ Ban múa búa. Tôi có thể thích nghĩa xuôi hai câu ấy ra như thế nầy:
Chú rể cỡi rồng nương cây ba nhánh,
Cô dâu hỉ hạ tìm đặng mối trăm xe...
Còn dịch nôm thì tôi nghe ông Ðồ Ướt nhà tôi diễn thử trong câu này:
Rể lành đủ dựa tài lương đống,
Dâu thảo vui nên bậc thế quyền...
Tưởng cũng tạm gọi được là hay vậy. Chẳng hay ông Tộc trưởng nghĩ thế nào?
- Hay? Tạm gọi là hay? Già nầy thấp thỏi không biết nôm na cao kiến như mấy ông, già chỉ biết rằng trong rừng nho biển thánh, không thiếu chi tiếng dùng, sao lại đem nào là “thừa long... giá phụng... “ tiếng của bậc đế vương vua chúa vô làm chi cho tủi nhục thêm cho con nhà “dân dã” chúng tôi...
Chánh Khá xanh mặt:
- Thưa ông...
- Thôi, thưa gởi làm chi nữa, theo phép mấy ông trầu rượu tới đây cưới con gái nhà tôi, mấy ông không có quyền khinh khi quá lẽ... Bây giờ tôi muốn coi đồ nữ trang trước rồi đợi tới giờ sẽ hay.
Hương Ba vội vàng mở khay hộp. Ông Tộc trưởng nâng từ chiếc vòng, sợi dây chuyền lên nhìn, bỗng nhiên mắt ông sáng hoắc lạ thường chép miệng hỏi:
- Ủa, sao lại có đôi bông nở mà không có bông búp?
Chánh Khá rối loạn chực nói, nhưng đã bỡ ngỡ nhìn mọi người.
Hương Ba lẹ miệng đỡ lời:
- Thưa bông búp là hồi “ăn trầu uống rượu” kia. Lời tục người ta nói: “Bông búp về nàng, bông nở về anh”, vì đường xa xuôi quá, chúng tôi đã yêu cầu trầu rượu cưới hỏi một lần thì chúng tôi tưởng “bông nở” không, cũng đủ lễ rồi vậy...
Ông Bái ngồi chăm chỉ nghe đến đó, bỗng nhiên khóc lên rưng rức:
- Nhà tôi vô phước. Trời ơi, con làm nhục cha nhục mẹ vậy hỡi con!... Sanh con tưởng gả được chỗ môn đăng hộ đối, ai dè họ khi mình đến đỗi này...
Ông Chánh Khá bị “tấn công” gắt quá, đành đưa mắt cầu cứu với Hương Ba lần nữa mà mồ hôi trên trán đã nhỏ giọt.
Hương Ba chẳng nói chẳng rằng, ngoắt chàng rễ bước vào, còn ông thì đến cạnh ông Chánh Khá, láy mắt ngụ ý nói “để tôi” rồi nói lớn để thay đổi cuộc diện:
- Ðã trình đồ nữa trang, thì bây giờ xin lên đèn làm lễ cưới.
Ông Tộc trưởng trợn ngược cặp mắt, đôi lông chân chày dửng lên làm tăng vẻ giận dữ, oai nghi:
- Ai cho phép chú cưới? Tôi bảo đợi tới giờ nghe chưa?
Ông Chánh Khá lập tức trả lời khéo léo:
- Xin ông Tộc trưởng thương giùm. Con rể nó ở đời với nhau được, có phải tại cái giờ đó đâu. Nếu chờ đến giờ Tý, con nước chảy ròng cho đến trưa mai, thì chúng tôi chịu ngược cả máy con nước nữa, chắc chết đói ở dọc đường. Nhất là cô dâu không quen đi đường trường bó ró dưới tàu năm sáu bữa, chẳng là tội nghiệp lắm sao?
Ông Tộc trưởng nín lặng.
Chánh Khá láy Hương Ba. Hương Ba hội ý, xì ống quẹt nổi đèn khay trầu rượu rồi đưa tay ngoắt một cái. Ðám bưng mâm lục tục kéo vào.
\*\*\*
Trong lúc lộn xộn, Hương Ba lừa dịp kề tai Chánh Khá bảo một câu:
- Lạy họ xong, giượng xin kiếu liền, đừng để trể một phút nào cả. Mình không cần ăn mà cũng không cần họ tử tế nữa. Chẳng lẽ họ níu con dâu lại đâu mà sợ.
Chánh Khá làm như lời.
Họ đàng trại đã thông đồng ăn rập nhau đứng lên một lượt.
Thấy con mình bị “bắt” đi một cách “cấp tốc”, bà Bái trong nhà khóc rống lên như đám ma, còn ông Tộc trưởng vỗ bàn ầm ĩ.
Nhưng, đám bưng mâm đã vây quanh hộ tống cô dâu, chàng rể xuống tàu một cách hùng dũng, dẫu phe ông Bái có muốn “phá vòng vây”, cũng không tài nào vô nổi.
Mọi người đều xuống tàu, trừ Hương Ba đang hí hửng như vừa “thắng trận”, đứng cạnh Chánh Khá nói nói cười cười:
- Vậy cũng xong! Ðó, giượng thấy chưa, mình phải.... mình phải cương quyết, phải... tài ba như vậy mới được chớ!
Bỗng ông Tộc trưởng trên nhà chống gậy xồng xộc chạy xuống níu tay ông Chánh Khá thở hào hển, vểnh râu, sừng sộ:
- Còn lễ... “trao thân gởi mình”, sao không làm hử?
Nhưng Hương Ba bước vội xuống tàu, mặt đang nở như hoa, tự nhiên xanh xám lại, kéo đại ông Chánh Khá theo, cộc lốc trả lời:
- Trao thân... con khỉ mốc!
Anh tài công tàu giựt chuông mỡ máy...

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Cành tre cũ, cặp giò xưa**

Tôi đứng núp sau lùm bông phướn, tay cầm chắc ngọn roi tre, vững lòng chờ. Hễ bón đen nào lao tới nạp mình là tôi khệng cho một cây, lập kỳ công bất hủ!
Tiếng kêu cướp rền trời phía nhà ông Bá và tiếng mõ hồi một làm vang động cả đêm khuya. Bầy chó trong xóm cũng hè nhau sửa rầm lên dữ dội.
Bỗng trống ngực tôi đánh lồng lên, tôi vảnh tai nghe tiếng thình thịch từ xa chạy lại.
Bóng người vừa nhô tới là tôi rán sức bình sanh cầm ngọn roi quất ngang vào ống quyển: Rốp!
Có thế mới được chớ! Tôi nhà đại vào đống đen đang té nằm rên dưới đất, ôm chặc lấ, nghiến răng:
- Chó chết, mày có chạy đàng trời!….
Nhưng, thiên địa quỉ thần ơi! Người tôi đang ôm cứng lại là… một cô gái!
Thôi phen này có nước mà chết nhục với đời! Tôi rụng rời buông lỏng nàng ra, hỏi:
- Cô là ai, có sao không cô? Cô chạy đi đâu làm vầy cho tôi tưởng lầm là kẻ cướp?
Nàng rên rỉ:
- Chết tôi đi anh ơi, tôi là con ông Bá đây! Anh làm ơn…. Đem tôi vô nhà… rồi tôi kể hết chuyện cho anh nghe, mau đi anh, đừng cho ai biết, mau đi anh!…
nàng nói rồi, oằn oại, nằm thiêm thiếp…
Làm sao bây giờ? Có Phật Trời nào chứng chiếu cho cả tấm lòng trong suốt của tôi?
Giúp người, hại mình, bây giờ đâu có thể chần chờ mãi được. Rủi thiên hạ xông tới gặp tôi đang níu lấy nàng, tôimới ăn nói cách nào cho xuôi?
Thôi, rủi đã vương lấy hoạ, tấm thân bảy thước còn kể gì, tôi kề vai vác nàng vô cửa.
Thằng Năm dầu có ngủ mê cách nào cũng đã thức dậy lục đục đốt đèn.
Thấy tôi cõng một cõng lù lù đi vô, nó kinh hãi nhảy lui một bước toan la, thì tôi đã khoát tay bảo nhỏ:
- Tao đây, câm họng lại, ra đóng chặt cánh cửa cái, mau lên!…
Nó sững sờ nhìn cái “sức nặng” trên vai tôi, rồi riu ríu vâng lời.
Tôi đặt “cục nợ đời” nằm xuống bộ ván trong, lấy dầu thoa trán cho hoàn hồn, rồi xây lưng ra ngoài, kéo tay thằng Năm:
- Nguy lắm rồi mầy Năm ơi! Nghe đằng nhà ông Bá bị cướp, tao tốc mùng vác cây roi tre ra tiếp cứu, không dè ba chớp ba nháng, đập nhằm con gái ổng gần chết, tao lật đật cõng về đây!
- Khốn nạn chưa! Biết lầm sao mầy không tháo chạy, lại rước “của nợ” ấy về làm chi, hỡi Trời!…
- Ai tàn nhẫn như vậy được mậy? Ðã đập cho người ta ngất ngư, còn bỏ chạy là nghĩa lý gì? Vả lại hồi nãy, lúc tao ôm “con mẻ”, “con mẻ” năn nỉ tao cõng về, tao bấn loạn nghe theo, không kịp suy nghĩ, bây giờ biết làm thế nào?
- “Con mẻ” năn nỉ mầy cõng về! Rồi mầy cõng? Hừ, làm thế nào thì làm, tao bỏ nhà nầy cho mầy ở!
- Tội nghiệp tao mà mầy Năm, chuyện đã lỡ ra thế này, mầy phải giúp tao gỡ rối mới được!
- Giúp mầy? nghĩa là cõng đem trả? Mô Phật, tao không có cái lưng “nghĩa hiệp” như mầy đâu!
- Không mà! Số là tao chưa biết ất giáp gì hết, mầy lập tức giùm chạy lại nhà ông Bá coi cho tao hay. Chuyện nầy tao nghi lắm, tao phải chờ “con mẻ” tỉnh hồn lại mà cật vấn mới được. Giùm mau đi Năm!
Thằng Năm lật đật thoát ra mà vẫn cằn nhằn cẳn nhẳn:
- Ừ, tao cũng “nghi” lắm, chỉ thương hai cho tao không ăn mà chịu, rủi thời mang nhục cả lủ cho mà coi!
Tôi đi tới đi lui trong nhà, bóp đầu suy nghĩ vì “cục nợ đời” vẫn còn nằm thiêm thiếp, thì thằng Năm hào hển chạy vào:
- Tao lạy mầy, tao lạy mầy, mầy mau đem “con mẻ”, trả chỗ nào thì trả, không thì vạ tới nơi…!
- Thong thả mà nói, làm gì rối rít lên như thế?
- Thong thả sao được, ông Bá vừa bị một người cầm dao vào hăm hoạ đòi giết, rồi nó trói ổng lại, dắt con gái ông did. Ông la rầm lên, thiên hạ đang đuổi theo lục soát lùm tum beng kìa!
Tôi nghe thằng Năm nói, hồn phi phách tán cứng họng nói chẳng ra lời.
- Bây giờ mầy đứng “chết trân” đó mà chịu hay sao? Ðây, tao vừa nghĩ được một kế cứu mầy: Tụi mình áp khiêng “cục nợ” đó ra đầu ngã ba nầy rồi đồng la lên: “Bớ người ta! Ai nằm đây!”, cho thiên hạ đổ lại “rước” con mẻ về là xong!….
Thằng Năm nói dứt lời kéo xển tôi lại ván nhận đầu tôi xuống, khiêng “nàng” lên.
“Nàng” vẫn con chưa tỉnh hẳn….
\*
\*   \*
Ðêm ấy, sau khi tìm được con gái ông Bá, “họ” còn bắt được cả thủ phạm: thằng Tư Rổ! Nọi vụ đưa ra làng, giao cho Hương quản làm “ăng kết”.
Trên bàn Hương quản lại nhà công, một cây dao sắc lẻm để nằm làm tang vật. Thằng Tư Rổ bị trói ké ngồi cú rũ ở góc phòng. Ông Bá khép nép đứng cạnh đó và một dọc dài chứng cớ…. có cả tôi và thằng Năm!
Thầy Hương quản là một người ốm mảnh khảnh nhưng có một bổ râu dữ tợn, cặp mắt oai nghi, trông vào ai cũng hết vía.
Thầy ngồi giữa bàn, ngậm cái ống cối to tướng, nghiêm sắc mặt, kêu ông Bá hỏi trước:
- Sao, ông hãy thuật đầu đuôi gốc ngọn cho làng nghé
Ông Bá khúm núm:
- Thưa thầy, cách đây một năm, tôi thấy thằng Rổ nầy khá đứa, biết lo làm ăn, nên tôi định gả con Hai tôi cho nó. Tôi kêu nó về ở rể đúng năm rồi sẽ chọn ngày lành tháng tốt cho chúng nó nên vợ nên chồng.
Mấy tháng đầu về với tôi, nó làm việc lực bạt biết chiều chuộng tôi, biết lo bổn phận. Không dè khi gần ngày cưới bỗng thinh nó phát lên làm biếng, làm nhác, không chịu làm việc nữa, cứ rủ rê bạn bè nó lại phá gà, phá vịt hoặc thả đi luông tuồng. Tôi rầy la mãi không được, túng tôi phải hăm nó: Nếu nó còn giữ thói đó nữa, thì tôi tống cổ nó ra ngoài và không gã con cho nó. Nó vẫn không nghe, tôi buộc lòng tôi phải đuổi nó.
Thằng Tư Rổ đang ngồi, vùng đứng dậy dợm cãi, nhưng bị anh Cai tuần chụp đè cổ xuống, và thầy Hương quản trợn mắt, làm nó phải ngồi lại nín khe.
Ông Bá tiếp theo:
- Thế rồi gần tháng nay tôi tưởng nó về với cha mẹ nó, không dè đêm hôm, tôi đang nằm ngủ quên giữa ván nhà, bỗng đâu nó đẩy cửa nhảy xổ vào, phóng lên ván, câu hai cẳng đè cứng mình tôi, tay đưa dao hăm doạ: “Ba la một tiếng tôi phụp một cái rụng đầu!”
Tôi sợ quá năn nỉ nó, nó không buông, còn lấy dây trong áo trói tôi lại, rồi xông vô buồng bắt con gái tôi đi….
Ông Bá khai rồi đứng sang một bên. Ðến lượt thằng Tư Rổ được Cai tuần dẫn lại giữa bàn.
- Sao, thằng chó chết nầy, mầy phải khai cho thiệt! Thầy Hưởng quản ra lịnh.
Thằng Tư Rổ hằn học từ lâu, được phép cho nói tuôn ra một hơi:
- Bẩm thầy, ổng nói láo! Ổng hứa gả con Hai cho tôi, ổng bắt tôi về ở rể, đầy tôi như đầy tớ mà cấm tôi không được nói chuyện với vợ tôi tiếng nào. Rồi gần đến ngày cưới, thình lình ổng đuổi tôi đi. Tôi năn nỉ hết lời, ổng cũng không chịu cho tôi ở lại. Tôi chắc ổng giận tôi chuyện gì nên bóp bụng ra về, định chờ ổng nguôi ngoai sẽ năn nỉ xin cưới.
Không dè mới đây người ta cho tôi hay rằng ổng đã kêu thằng Út ở xóm trong vào ở rể nữa.
Tôi tức mình đón vợ tôi gạn hỏi. Té ra ổng ép vợ tôi, không cho đi đâu khỏi nhà. Biết rằng vợ tôi nó cũng thương tôi lắm, mà ổng thì độc ác không thể năn nỉ được, tôi vẫn chiều lòng đến lạy lục ổng năm bảy phen. Lần nào ổng cũng đuổi tôi như đuổi chó.
Tức quá, tôi mới xách dao lại hăm ổng, đó là sự bắt đắc dĩ, xin thầy xét lại cho tôi nhờ.
- Mầy có đè, trói, và hăm giết ổng không?
- Bẩm có, vì ổng thấy tôi, ổng muốn la, tôi đè ổng trên ván và nói: “Nếu ba không gả con cho tôi, tôi sẽ lấy đầu ba”. Tôi nói vậy là để cho ổng sợ, ổng gả con Hai cho tôi, chớ tôi không có ý định giết ổng.
- Ðược rồi! Rồi mầy trói ổng lại và cướp con gái ổng đi?
- Bẩm, ổng nằn nằn không chịu, ổng nói rằng tại vợ tôi muốn vậy. Tức quá tôi phải trói ổng lại, chạy vô buồng hỏi, và biết rằng có nói cũng vô ích, tôi đánh liều tính dẫn vợ tôi đi ít lâu rồi về thú phạt. Ðó là vợ tôi chịu theo tôi chó tôi đâu có bắt ngang….
\*
\*  \*
Làng làm ăng kết xong, liền giải thằng Tư Rổ ra quận.
Tôi không chờ biết kết cuộc ra thế nào, chán cả kiếp sống ở đồng, nghĩ tủi tấm thân bảy thước của mình mỗi lần phải đụng đầu với con gái ông Bá.
Tôi không phải cây cỏ gì mà không biết ơn nàng khi nàng không hề hở môi cho ai biết vụ tôi đập nàng một cây và tôi cõng nàng về nhà đêm ấy.
Nhưng mỗi khi gặp nàng ở đâu là nàng ngó tôi một cách khẩn thiết như muốn bày tỏ một sự gì, rồi nàng dòm xuống cặp giò cười mỉm. Tôi hiểu là nàng muốn nhắc tới ngọn roi tre cũ, nhưng tôi tảng lờ quay đi…
- Không được mầy Năm, ở đây rồi phải chết một cửa tứ! Coi bộ con mẻ… “cảm” tao rồi mầy ơi.
- Tùy mầy, mầy muốn sao cũng được. Ði ở là quyền của mầy. Nhưng tao nghĩ mà tức cười, nếu hôm trước “con mẻ” tỉnh, và “con mẻ” quyết nằm lì ở nhà mình, thì chắc “thế cuộc” giờ đã đổi khác, đâu còn cái vụ quấn quít giữa “cành tre cũ với cặp giò xưa”.

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Ðổng Trác biết sập giàn**

Ghe hát bầu Tèo hôm ấy đã thấy chèo đến đậu ngay trước đình làng. Con nít chạy bu theo trên bờ kinh vỗ tay la rầm rĩ:
- Bầu Tèo ở cù lao Heo tụi bây ơi!
Ðình đang buổi kỳ yên. Người ta dọn sẵn sàng tất cả, chỉ chờ ghe hát đến là lên giàn.
Bạn hát được dân làng phụ giúp, chỉ non nửa ngày là cất rạp xong đâu đấy. Chiều đến, họ có thể gióng trống xây chầu. Làng đã nhứt định hát ba “thứ”, mỗi “thứ” ba chục đồng, tùy ông bầu chọn tuồng, miễn cho xứng đáng thì thôi. Và nếu được vừa lòng, làng sẽ tuỳ tiện thưởng thêm là khác nữa.
Làng lại cho ông sáu Lý phụ đóng thêm một vai trong tuồng nào cũng được.
Ông sáu Lý là tướng hát rành nghề. Trong giới hát bộ, đã đành rằng không đào ké nào là chẳng biết danh ông, mà thậm chí đến dân làng hễ nghe đến tên ông, là hăm hở phục tài.
Năm nay ông đã già. Ông có bộ râu hơi dài và người ông hơi ốm. Nhưng không vì thế mà tài ông giảm đi.
Chẳng những ông hát hay mà ông lại có tánh vui vẻ bặt thiệp, ở cảnh ngộ ngào ông cũng làm cho người ta vừa bụng, nhất là đám trẻ con trong làng. Hễ chúng gặp ông đâu là nài nỉ xin ông “đi” cho một bộ Trương Phi hay Triệu Tử.
Ông vò đầu chúng, rồi sẵn lòng bẻ một cành cây làm roi ngựa, giả đáp giáp, hất râu, múa lăn chiêng y như trên sân khấu.
Ngoài ông sáu Lý, làng lại cử ông Chánh bái cầm chầu.
Ông nầy lại có cái đặc biệt khác.
Gánh hát nào đến cũng phải cậy nhờ ông.
Ðược một người cầm chầu giỏi, đúng phép, không tư vị, biết giục lòng, con hát mới phấn khởi, mới hả hê.
Một tiếng “thùng” cũng đã làm cho họ sung sướng mà hai ba “chầu” liên tiếp lại còn làm cho họ nở lòng.
Ông Chánh bái trong làng thường bảo:
- Mình cầm chầu không đúng đắn, bọn hát nó khi, nhiều khi nó dể ngươi lờn mặt. Ôm chầu như tôi, tôi đố đào kép nào dám ra hát “ẩu” đặng lãnh tiền. Không một tiếng trống của tôi cũng đủ cho họ bị bầu gánh cúp tiền cữ đêm đó…
Mà thật ông Chánh bái rành điệu cầm chầu tự hồi ông còn ở chức Hương thân kia lận.
Tiếng đồn ông sáu Lý hát và ông Chánh bái cầm chầu được truyền đi liền khắp xóm.
Người ta thấp thỏm chờ đến buổi chiều. Trẻ con rộn rực đòi áo quần, xin xu ăn bánh; các anh trai tráng nôn nao bỏ giấc nghỉ trưa ở luôn ngoài ruộng đợi chiều về sớm một chút; các cô gái, mặt trời chưa chênh bóng là đã lo làm cá nấu cơm.
Khi tiếng trống “thùng thùng” nổi lên trên xóm đình, thì dọc theo bờ ruộng đã thấy lũ lượt kẻ năm người ba kéo nhau đi xem hát.
Sân đình trước là một đám cỏ cao nghều nghệu, chỉ sơ sơ trong nửa buổi là bị dấu chơn người giẩm lên sát rạt.
Trước rạp, người ta dọn dẹp sạch sẽ, sắp một hàng ghế dài để dành riêng cho các bậc kỳ lão và hương chức; kế đó là ghế của tư nhận. họ khuân từ nhà đem lại, chen nhau giành chỗ.
Giàn hát cất không được cao; bên trái là buồng kèn nhạc, bên phải là buồng của đào kép sắm tuồng. Chính bên phải là chỗ để trống chầu cho ông Chánh bái ngồi.
Hai ngọn đèn “măng sông” được treo tòn ten trên cao, trước rạp.
Ba hồi trống cơm “tùm tum, tùm tum” báo rằng đào kép sắp “ra tuồng”, mà tội quá, đám con nít cứ chen lấn nhau kêu la ầm ĩ. Chúng trèo níu, đánh đeo ở hai bên giàn coi đàn kèn và coi các ông tướng vẽ mặt.
Hai anh Cai tuần lãnh coi trật tự đuổi thế nào chúng cũng không đi. Tức quá, họ bẻ roi quất bổ trên đầu, trên lưng làm chúng kinh hoảng lấn nhau té đùn cục.
Nhưng một lát, chờ khi anh Cai tuần rỏn đi chỗ khác, là chúng lại leo lên bu xung quanh như kiến. Ông Chánh bái là người hiền từ thuở giờ, bị chúng chen lấn quá, ngồi chầu không được, ông phát giẫn dữ phải giơ dùi trống lên “khệng” cho mấy đứa đến u đầu.
Ðêm ấy hát tuồng Phụng Nghi Ðình. Chính ông sáu Lý ốm tong, bây giờ động cái bụng to, mặc áo rộng xùng xình đóng vai Ðổng Trác.
Mỗi lần ông đi kệ nệ, vuốt râu, đưa quạt lên trời hất hất, là mỗi lần người ta la ó dậy.
Lữ bố là một anh chàng trai trẻ, mặt đẹp như con gái, giắt hai lá cờ soái hai bên lưng, thắt cái bông tròn trước ngực, đầu đội mão kim khôi, tay cầm phương thiên hoạ kích, oai vệ vô cùng.
Ðiêu thuyền là cô đào chánh của gánh hát mặt hoa da phấn, yểu điệu thướt tha, màu mè cặp bồ với Lữ Bố thật xứng lứa vừa đôi.
Anh chàng Lữ Bố có cái bộ ghen tuyệt diệu. Mỗi lần anh hằn học với Ðiêu Thuyền là mỗi lần mấy cô ngồi chen nhau ở “hạng ba” véo nhau gần nhảy nhổm, và hít hà chắt lưỡi như đám thằn lằn kêu đói ở trong đình.
Một điều đáng để ý là sau lưng các cô, đố một chị đàn bà nào, một ông già bà cả nào, hoặc một đứa con nít nào bén mãng tới được. Toàn là bọn thanh niên đầu chải bóng láng. Chen chúc nhau đứng cặp kè. Rọ rạy nói chuyện vang trời. Ðứa thuộc Tam Quốc nói thôi vô số kể, đứa phê bình kép hát, có đứa lại nói tiếng Tây!
Ðã vậy mỗi lần ông sáu Lý vỗ cái bụng phệ làm cho người ta cười ngã nghiêng, ngã ngửa, thì phía ngoài thêm một vài cậu lừa thế thò đầu vô, hai tay vẹt đàn bà con nít, mắt liếc coi phía nào có mấy cô là chen tới.
Ðàng kia, ông Chánh bài đã bổ dùi xuống làm u đầu năm bảy đứa con nít rồi, nên chúng tức tối lập thế trả thù.
Chờ đến hồi “cụp lạc”, lúc Lữ Bố nghe nhảy sấn lại cắn, véo, đánh yêu Ðiêu Thuyền, ông Chánh bái sửa gọng kiếng lại ngay ngắn, ngồi nhìn chết sững chúng bèn hốt nào cát, nào bụi, nào xác mía len lén để đầy trên mặt trống.
Ông Chánh bái gặp lúc say mê, vô ý không dòm trước dòm sau, giơ dùi thẳng cánh “chầu” liên tiếp. Tiếng trống vừa kêu “thùng” là cát, bụi, xác mía bay tưới lên đầu, lấp mặt ông. Ông đỏ mặt tía tai, quơ dùi “lia” xung quanh, con nít té lăn đùn cục, kêu khóc om sòm.
Nhưng, thiên hạ ai cũng để hết tinh thần vào lớp “cục” ấy, ông Chánh bái có làm gì, con nít có la bao nhiêu, cũng không ai màng tới.
Có vài chị đàn bà bồng con, tay vạch áo đưa vú cho con bú mà mắt chăm ngay lên sân khấu, hồn gởi trọn cho Ðiêu Thuyền. Ðứa con ngậm vú không được vùng khóc ré lên. Chị ta không kể đến, cứ đứng sững giơ tay đ1nh chan chát vào đít đứa con. Ðứa bé khóc ngất.
Ðang hát “cụp” quá mà trời lại vần vũ kéo mây và trong giấy lát mưa nhểu hột lâm râm.
Ðám người vẫn không thấy nhúc nhích.
Kịp khi một ngọn gió lạnh thổi qua, mưa tuôn ào xuống, họ mới vẹt nhau chen lấn lại gần giàn, có cái mái che cho hương chức.
Lại càng là một dịp cho các cậu trai giành nhau xô mấy cô gần ngã sấp.
Tội nghiệp, cô mất guốc, cô mất giày, vừa lom khom xuống lượm liền bị chúng ủi té nhủi.
Nhưng mặc, các cô vừa chửi rủa rùm trời, vừa mò mò quyết tìm cho được giày guốc mới nghe.
Mưa lớn quá. Lũ con nít bu lại hai bên giành, đeo như ong.
Ông Chánh bái không cầm chầu được nữa; ông đã lạc đâu trong đám người hổn độn.
Trên rạp, Ðổng Trác (ông sáu Lý) đang giựt cây phương thiên hoạ kích đuổi theo phóng Lữ Bố, bỗng nhiên đứng dừng lại kêu to:
- Con nít xuống bớt! coi chừng sập giàn!
Nhưng mặc ông kêu mặc ông, con nít vẫn ùa nhau chen lấn và chỉ trong chốc lát tiếng cây gãy răng rắc, dây buộc nghiến cò ke, giàn hát đang rung rinh, bỗng nhiên “vươn mình” như một kẻ liệt gân rồi “sụn” xuống….

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Ông tướng “thầy ba”**

Hai người dọn đồ xuống đò hôm ấy chính là tôi và thằng Năm. Biết lắm! nghề gì thuộc về “tà đạo” thì sớm muốn cũng bị tổ trác! Tôi thường bảo thằng Năm như thế, nhưng chứng nào tật ấy, nó có nghe cho đâu.
Kiếm ăn được một mẻ “Châu Xương”, nó bắt bén trổ nghề. Ban đầu trị bịnh con nít, mắc con “sát”, con “trùng” gì ấy, lần lần nó bắt qua chữa bịnh người lớn. Ai đau gì nó cũng trị được, ai mắc gì nó cũng chữa được. Ðó mới là cái… biệt tài.
Mỗi lần thằng Năm xách “ông tướng Thầy Ba” đi đâu, tôi cũng căn dặn kỹ:
- Mầy… cho khéo… coi chừng…!
Nó liền trả lời gọn:
- Bảnh mà!
Tôi có thế nói cách kiếm ăn của chúng tôi lúc đó cũng hơi bất lương, nhưng lỡ nghèo sanh kế biết sao bây giờ!
Mà cũng may, cái thằng vậy mà “bà cậu độ”, được thiên hạ hoan nghinh.
Lần nào về thuật lại cái may, nó cũng cầm “ông tướng Thầy Ba” vuốt ve rồi hỉnh mặt:
- Ổng linh lắm mầy à!
Lời nói nầy kết quả ngay ở nhà ông Phối sư Cụt!
Hôm ấy, nó rủ tôi cùng đi. Nó bảo:
- Con nhỏ đau đó bảnh lắm, mầy đi với tao lấy hên, biết đâu khi tao thổi phép cho nó mạnh, ông Phối sư không cám cảnh gả quách nó cho mầy… hay cho tao?
- Tao mà làm cái mớ mốc gì mậy. Mầy có công thì mầy hưởng chớ!
- Ậy, đi, tao làm cho coi mà!
Thằng nó biết giàn trận coi cũng khá khiển, phải tay thầy bùa.
Con gái ông Phối sư đau nằm trong buồng, nói xin giàn trận ngay trong buồng:
- Bịnh tà thì phải biết, đem đi đâu được! Nó bảo như thế.
Mà thật, cô ấy tối ngày cứ ợ ngáp, lên lên, xuống xuống. Ðang nằm yên, bỗng la rầm lên một chặp rồi nằm xuống. Có khi cô nhảy xuống đất đánh võ tơi bời, xé rách ten cả quần áo rồi ôm cột giường mà khóc!
Thằng Năm bảo đó là một con “tinh” dữ, ở “miền dưới” muốn bắt cô ta theo nên hành hạ cô dữ quá!
Nó đánh phách với ông Phối sư:
- Phi tôi, đó thằng cha thầy nào trị nổi!
Nó đòi giấy vàng, sont àu, bút lông để hoạ phù trấn bốn góc buồng.
Sau khi giắt lá bùa trên lưng tôi và lưng ông Phối sư cho trấn thủ ngoài cửa buồng, nó nai nịt gọn ghẻ, một tay xách cây dao “đan tô” với cái hủ không, thứ hủ đựng cải tăn-xại, một tay cầm ông tướng Thầy Ba, nhảy xổ vào bắt tà.
Vừa kéo cửa phòng cái rột, nó đóng kín mít lại liền, không cho con tinh có ngã mà thoát ra.
Trong buồng, thằng Năm đã bật lên một câu thần chú:
- Án thiên la địa võng, án đông binh, tây định, nam, bắc, trung ương định!….
Ðó là nó hét lên để thị oai, rồi dịu giọng. Mà chính cái lúc nó dịu giọng mới là lúc người ta ghê mình:
- Hiu hiu gió thổi lộng đàn tiên, ngày hôm nay sư tướng đến đây, trên thánh tổ quang minh chứng giám, bủa địa võng bốn phương vững chặt, bố thiên la ba cõi trùng trùng, các hồn nào quấy nhiễu mông lung, phá dương thế bắt về lập tức….
- Ớ là hỡi âm binh ơi!…
Tôi đứng ngoài nghe lạnh xương sống, mà dòm ông Phối sư cùng người nhà mặt mày ai nấy cũng tái xanh.
- Ớ là hỡi âm binh ơi!….
Ai có ở vào đêm thanh vắng, tin tưởng chỗ mình ở có con “tà” đang lộng, nghe đến đây mới biết cái “ghê mình” ra làm sao!
Cốt ý thằng Năm là bắt cho được con “tinh” nhốt vô hũ “tăn-xại” rồi dán bùa lại, tống đi. Nó đã bảo trước với ông Phối sư:
- Ðể tôi bắt được rồi, ông coi, nó kêu rên trong hũ, xin tha thứ đủ điều!…
Ðến đây tôi mới hiểu được tại sao trước ngày đó thằng Năm rủ tôi đi kiếm bắt con “ong bầu” gần ứ hơi.
Nhưng tiếng thằng Năm bỗng im bặt, thay vào tiếng giậm chân rầm rầm dưới đất và tiếng thổi phèo phèo.
Có lẽ là lúc anh ta trợn mắt phùng mang thị uy với con “tinh” đặng “xáp lá cà” với nó.
Tôi đứng ngoài hồi hộp lạ lùng.
Ông Phối sư chấp tay vái nho nhỏ:
- Nhờ Ðức Thầy, Trời Phật chứng minh phò hộ cho con tôi thoát nạn.
Bỗng nhiên, trong buồng, con gái ông Phối sư la lên bài hãi:
- Ái ái, thằng cha thầy chó nầy, sao mầy dám ôm tao? Buông ra không?… Buông!… Guốc nè!…
Rồi… bốp… bốp… tiếng guốc tiếp theo, và sau cùng là tiếng thằng Năm:
- Chết tôi rồi trời ơi!…
Tôi cùng ông Phối sư tông cửa chạy vào. Cô gái đang đứng chống nạnh cạnh giường thở hào hển, còn thằng Năm thì ôm đầu ngồi dưới đất rên hì hì:
- Ui cha! Con “tinh” dữ quá!
\*
\*   \*
Ðêm sau, chúng tôi dọn đồ, len lén ra đi.
Thằng Năm xách chiếu đem trải trước mũi ghe, nằm buồn dàu dàu, thỉnh thoảng thò tay khoát nước, nhìn hai bên ven bờ rạch Ruộng, rạch Ráng, rạch Cui….
Cứ mỗi vàm kinh thoáng qua là tôi thấy thời oanh liệt của thằng Năm không còn, mà tôi cũng chưa biết làm nghề gì ăn đây nữa.
Tôi lắc đầu nhắc lại:
- Liệng hắt ông Thầy Ba của mầy cho rồi! Ðã bảo coi chừng tổ trác mà mầy cứ dể người, bây giờ có phải co tay nhịn đói không?
- Mấy cứ bấy nhiêu đó nói mãi, hèn gì không làm nên được danh sự gì! Ván bài hễ không chín thì bù, đánh “mẹ” nó một tụ, cho nó ra sao thì ra!
Ở đời không làm được Phật, thì làm ăn cướp chớ có gì mà lo mầy!…

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Ðạo**

Mấy con vạc ăn đêm đã bắt đầu bay đi kêu oang oác ngoài trời, và bầy muỗi đã vỡ lên như ong, mà ông chủ thìn vẫn chưa thấy lại.
Ngóng mãi không được, Giáo Xệ nóng lòng mời khách:
- Thôi, quý ngài cứ việc dùng, ổng lại sau ngồi sau, hơi nào mà đợi nữa.
- Hay ổng quên? Phó xã Việt lên tiếng.
- Dễ quên không, tôi sai trẻ đến nhà mời hai ba lượt, ổng bảo về, rồi ổng lại kia mà!
- Ổng là người trưởng thượng, mình ăn trước có khi hỗn!
- Không hại! Tại ổng trễ chớ có phải tại mình sớm đâu!
Thế rồi họ cầm ly.
Nhắp đâu được vài miếng, bỗng dưng Ðình Uýnh kêu lên:
- Kìa ông Chủ lại kìa!… mà miệng còn nhai dở miếng chả giò to tướng.
Ông Chủ lại thật.
Tay cắp cây dù cán tre, tay xách bầu rượu với đôi guốc, ông xăm xúi đi vào.
Con chó vàng nhảy chồm lên chực sửa, nhưng rồi lui lại gầm gừ.
Giáo Xệ sợ mích lòng, khúm núm:
- Bẩm Chủ, chúng tôi đợi mãi không thấy chủ lại, sợ Chủ có việc nhà, nên chúng tôi vô phép nhập tiệc trước.
- Ậy! hề hấn gì đâu, hễ “tiền đáo tiền toạ, hậu đáo hậu toạ”, thảo với nhau đủ rồi. Bị đợi thằng nhỏ nhà đi lấy bầu rượu “đám đế” nầy đây nên mới trễ dữ vậy. Ðây, các ông “nhấm” thử mỗi người một ly coi, cái nước nhứt nó ngon kỳ ngon cục!
Ông rót một ly đầy rồi chễm chệ ngồi xuống ghế đầu bàn.
Giáo Xệ chạy lăng xăng, bưng ly rượu chát lễ phép:
- Mời Chủ tráng miệng bằng thứ nầy! Thỉnh thoảng lại giục: “Mời Chủ!”.
Nhậm lể xong, ông Chủ gật gù, miệng chấp chấp, tay vuốt mấy cộng râu mép còn đọng vài giọt rượu lấp lánh dưới ánh sáng của ngọn đèn toạ đăng.
Ðình Uýnh vừa nheo mắt vừa ngoạm thêm cái đùi gà xé phay; pháp sư Nẫm ngó chăm chăm chai rượu đế, lắng tai chờ ông Chủ nói chuyện.
Nhưng ông Chủ dường như quên khách vì ông đang bận “ngậm” cái cu-lẳng để nút cho hết nước cốt.
Bổng dưng ông dừng ngay lại, nhìn về cuối bàn:
- Úy chà! Bữa nay có thằng Phó xã nữa chớ. Thằng siêng quá, mầy ở trên Ðồng Cộ hay giỗ hồi nào mà xuống đây mậy?
Phó xã vui miệng:
- Bẩm Chủ, tôi theo màng-màng mở trôi trong rạch mà tìm tới!
- Vậy mà nãy giờ mầy nín khe; tao nghe tiếng đồn mầy nói chuyện “nghĩa lý” khá lắm mà! Lên đây Phó xã, lên đây ngồi chung với tao. Tục ngữ người ta nói: “Hễ rượu vào thì lời ra”, nín khe đâu có được mậy! Tao rất ghét người nào ở theo sách, bắt chước nào là “tửu trung bất ngữ chơn quân tử, tài thượng phân minh đại trượng phu” gì đó!
Cái giọng ông Chủ đã “giàu” thêm lên bằng tiếng ngừ nghè và câu chữ được ông kéo dài thậm thượt.
Phó xã việt khép nép kéo ghế lên ngồi:
- Bẩm Chủ, thiệt tình là tôi không dám, vì trong anh em đây, có chủ là người trên trước, tôi phải kinh nhường. Bởi trong câu chuyện có tôi phải kính nhường. Bởi trong câu chuyện có nhiều nguồn chân lý, mà chân lý là lẽ phải, không tư vị ai được, tôi nói, e có điều gì không tốt. Vả, người ta thường bảo “trung ngôn nghịch nhĩ”, mà tôi thì tôi vị chân lý chớ không vị quyền hành thế lực lớn nhỏ gì ráo, sợ trong khi biện bác, có điều gì xúc phạm đến Chủ chăng, nên tôi xin “thủ khẩu như bình” mà nghe Chủ!
- Thằng Phó xã mầy lầm rồi, mầy há chẳng biết hồi tao còn “đương vị hành chánh” mà còn không bao giờ “ỷ chúng hiếp cô” hay sao? Huống chi ngày nay đã “cáo lão hồi gia” rồi, tao càng trọng lẽ phải hơn nữa. Mà hễ vào đám tiệc rồi, ai cũng có tự do đàm luận, làm người quân tử không câu nệ gì ráo. Mầy không nghe “Quân tử bất oán thiên hề bất vưu nhân” à?
- Bẩm Chủ, hễ “nhứt ngôn thuyết quá” thì “tứ mã nan truy”, tuy nói vậy mặc dầu chóo tôi có điều ái ngại. Trong lúc đàm luận, Chủ là bề trên, tôi là bề dưới, tài học tôi kém cỏi không nói gì, sợ rồi khi lý lẽ tôi hơn thì khó coi quá!
- Quyền chức lớn nhỏ không kể, người ta chỉ kể tài đức. “Dũng bất quá thiên, cường bất quá lý”, Phó xã mầy đừng lo, tao biết điều lắm….
Ông Chủ kết thúc mỗi câu bằng một “nhấm” rượu và một cái cười… gay gắt, nó tăng vẻ gay gắt của một cái mặt nhiều nét nhăn mà phút chốc đã… hồng hào!
- Vậy thôi cũng được, nể lòng Chủ cho phép tôi xin vâng lời. Vậy chủ hãy cạn ly rồi Chủ ra đề tôi mới dám nói, chớ lạm xạm đã không ra gì, mà có khi mấy ông đây còn cho tôi… say là khác!
Pháp sư Nẫm nãy giờ ngồi nghe khoái chí, ực một hơi ba ly rượu đế, chấp chấp ngon lành rồi cầm rót thêm ly mình và ly khách.
Ðình Uýnh cứ ngồi gắp mãi dĩa thịt rừng nhâm nhi, tự do như ở nhà mình.
Ông Chủ Thìn uống cạn ly, mỉm cười:
- Hay! Hay! Thằng Phó xã coi vậy mà ăn nói lưu loát quá. Thôi, đề đạt gì cho mất công, chúng ta là nhân loại, lấy “đạo” làm đầu, thằng Phó xã mầy “ngôn ngữ như lưu” chắt nghĩa thử chữ Ðạo nghe chơi!
- Bẩm Chủ, bề nào tôi cũng là kẻ hậu sinh vậy xin nhường chủ giảng trước cho nghe, rồi tôi sẽ tuỳ theo mà phụ hoạ!
Uống cạn ly nữa, ông Chủ khề khà:
- Thôi… cũng được!… Về chữ Ðạo thật là khó giải. Phần thì chữ nho mắt mỏ, tuỳ theo sở học của người cao thấp, khó mà nói cho rành, phải không a… mậy Ðình?
Ðình Uýnh đang mê ăn, giật mình ngước mặt toan trả lời, thì ông Chủ đã tiếp:
- Nhưng vậy, có lần tao nghe sư Muôn giải nó như vầy: “âm dương hiệp nhứt, tự mình tẩu”, nghĩa là: chữ Ðạo có hai chấm phết trên là âm dương, gạch ngang là hiệp nhứt, dưới có chữ tự là tự mình, bên là chữ chỉ phảy ngang sư Muôn do cái phết dài gọi rằng: “tẩu…” Tẩu của ổng có nghĩa là tự mình chạy chọt tìm Ðạo mới có Ðạo! Tôi cho rằng giải chữ cũng có một cái điềm, chớ không, sao sư Muôn bây giờ phải tẩu ngược… tẩu xuôi… đúng không mậy Phó xã?
Nhưng tao thì khác, tao cho rằng “Âm dương hiệp nhứt tại mục”. Phết xuôi và chữ mục dưới, không phải tại mục là gì? Mình là con người, có cặp mắt, có tinh thần tỏ rõ để dòm ngó, để phân biệt chân lý, thế là biết Ðạo rồi chớ gì…!
Cho rằng giải được như thế là cao kỳ, ông Chủ cười chúm chím, rót uống một hơi ba ly để thưởng… mình!
Bên kia đối diện, củng không kém, các ông khách ngồi mê mang, cứ mỗi cái gật đầu của Pháp sư Nẫm là mỗi lần bầu rượu vơi đi một ít, và mỗi cái gắp của Ðình Uýnh là liền theo một tiếng “trót” ngon lành.
Riêng ông Giáo Xệ chủ nhà, đã yếu rượu mà rán theo cho kịp mấy ông khách gần hụt hơi.
Bỗng Phó xã Việt cười khè:
- Xin lỗi Chủ, sư Muôn giải chữ Ðạo trật lất, còn Chủ chiết tự ra càng… sái nát hơn nữa!
Ông Chủ giật mình, mặt đỏ gay gần như tái lại. Ông trợn mắt:
- Thằng Phó xã mầy nói sao? Tao giải trật à? Tao mà trật? Ừ, chữ nghĩa mầy già hơn, giảng thế nào cho trúng nghe thử!
- Bẩm Chủ, tự nhiên chê được là giải được. Chủ đừng quá nóng. Tôi đã nói “nghĩa lý không tư vị” kia mà! Ðây, về chữ Ðạo, thì tôi tự thích ra như vầy:
Hai chấm phết là âm dương, gạch ngang là hiệp nhất, dưới chữ tự, bên chữ chi phảy, là “Tự mình chi đó”!
Tự mình thông tri âm dương, biết phân phải trái, biết lẽ chánh tà, mới phải Ðạo hoàn toàn chớ! Ấy là tôi chỉ chiết tự sơ sơ như thế, chớ nếu phải giải cho rành thì phải chắt nghĩa tại sao chữ Ðạo có liên tiếp đến mười hai nét, mười hai hội của khí vận tuẩn hườn, từ “tý, cửu” chí ư “tuất hợi”…
Phó xả Việt như hừng chí, hăng tiết cắm đầu nói, nói mãi quên dòm sau trước, chừng trực nhìn lại mấy ông khách và chủ nhà, anh ta trợn tròng, dứt ngay: Kẻ gục qua, người gục lại, riêng Ðình Uýnh đã ngoẻo đầu ngáy khò khò…
Ðêm đã về khuya. Người nhà đều ngủ mất, xa xa có tiếng chó sủa ở đầu làng.
Ông Chủ đang ngửa mình sau thành ghế ụa ra một tiếng rất lớn, rồi chúi nhủi xuống bàn cố gượng:
- Ðạo! hay… hay…! Bọt phe thằng Phó xã! Bọt phe thằng Phó xã!…

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Quỷ Vương**

Làng Thới Bình nép mình trong chòm dừa xanh rậm. Vài xóm nhà lá leo heo ở dọc theo bờ kinh nhỏ, yên tĩnh với tháng ngày.
Cứ mỗi buổi sáng là đàn ông, đàn bà lẫn cả con nít vác cuốc ra đồng, quanh năm làm bạn với mấy mẫu ruộng nhà, vài công rẫy khóm[3].
Ở đầu kinh thông ra dòng sông Trẹm, một cái chợ nho nhỏ nổi lên. Hai bên, hai dãy phố ngói dứng sùm sụp chịu đựng với nắng mưa gần như xiêu vẹo.
Ðấy là nơi chứa đựng một phần dân chúng trong buổi sáng, đấy là nơi người ta tìm những thức ăn, vật dùng.
Cứ độ hai ngày, con tàu Rạch Giá ghé ngang đem lại nhiều hàng hoá ở thị thành.
Mỗi lần tàu xúp lê đàng xa, là thiên hạ nhao nhao ra đón, chen lấn ồn ào. Rồi mỗi khi tàu đi, chợ tan, làng Thới Bình yên tĩnh lại.
Dòng sông Trẹm lững lờ trôi ngang và ban chiều, trong chòm dừa xanh ấy, mấy làn khói trắng bốc lên…
Người đàn bà xong việc bếp núc, ẵm con ra đợi chồng về, lâu lâu đuổi bầy gà đang bươi trên giồng rau cải.
Nhưng hôm nay, hai bên bờ kinh nhộn nhiệp khác thường.
Trước mỗi nhà, người ta đứng quanh nhau bàn tán, mặt đầy vẻ lo âu: Quỷ vương!
Chỉ một tiếng ghê gớm ấy cũng đủ làm cho mọi người sợ hãi.
- Quỷ vương sẽ hiện lên và đi ngang con kinh này!
Bác tư Bốn chạy dài theo xóm dặn:
- Coi chừng! Ðừng cho con nít ra bờ kinh.
Người ta cố dấu nét lo trên mặt, cố trấn tỉnh bảo nhau:
- Quỷ vương thì Quỷ vương, sợ gì?
Nhưng họ vẫn thì thầm: “Trời ơi! Rủi nó ghé lại làng mình...?”
Phút hồi hộp đã đến. Họ nín hẳn. Vì đàng xa, giữa con kinh, Quỷ vương đã đến trên chiếc ghe lườn không mui.
Quỷ vương gồm có năm “ông”, ở trần trùi trụi.
Giữa trời nắng như đốt, họ bình tĩnh vui đùa như chẳng quan tâm đến thiên hạ đang lấp ló trên bờ. Chốc chốc, mấy “ổng”, lại thi nhau nhảy đùng xuống nước, rồi lại leo lên ghe.
Ban đầu người ta tưởng Quỷ vương phải là ghê gớm đến bực nào, nên họ nhút nhát nhốt kính đàn bà, con nít trong nhà. Nhưng chỉ chốc lát, nỗi lo sợ tan mất, con nít chạy ùa được ra ngoài bờ sông, vỗ tay reo ầm ĩ. Có đứa dám đưa tay ngoắt:
- Ê! Quỷ Vương!
Bác tư Bốn tức giận hơn ai hết. Bác chạy đầu này đầu kia, chở hào hển phân trần:
- Khốn nạn quá! Có thằng Chột con ông Bính và con Út con chú Phó Cao trong đám ấy nữa.
Rồi ông hăm:
- Phải có súng, tôi bắn đứa một phát cho lìa đời!
Quỷ Vương ghé lại chợ Thới Bình với những gương mặt đầy kiêu hãnh.
Chợ Thới Bình không còn vắng lặng như xưa.
Người ta lấy làm lạ sao thằng Chột con ông Bính lại đổi tên là Hoàng Hoa, lần lần thằng Phinh cháu ông Phó Tám đổi là Tuấn Nghĩa, thằng Tích em Tuần Danh là Vân Mộng, cho đến con Ðẹt con gái chú Phồi cũng xưng là Thuý Liễu và con Út con ông Phó Cao là Kiều Nga.
Chúng thường đi cặp từng năm lũ ba thả rều quanh chợ bất cứ đêm ngày, và hễ gặp nhau là cúi đầu rất sâu, chìa tay ra siết chặt:
- Vân Mộng xin kính chào Kiều Nga!
Hay:
- Thúy Liễu nầy đa tạ huynh ông Tuấn Nghĩa!
Rồi họ cùng nhau bàn tán vang trời những tiếng Văn minh, Hủ Lậu, Nữ quyền, Giác Ngộ, v.v…
Cứ mỗi lần như thế, là người hai bên phố kêu nhau ra chỉ, trề môi, lắc đầu.
Bác tư Bốn càng giận thêm. mấy hôm rồi bác ăn không ngon, ngũ không yên. Mỗi khi nghe ai thuật những cái lố lăng của tụi ấy, bác trợn mắt lên, cung tay đập xuống bàn thình thình:
- Tức lắm! Tức lắm!
Bác hội một vài bực tai mắt trong làng lại, tìm cách bài trừ:
- Tôi nhất định không để bọn nó làm lộng trong chợ Thới Bình!
Sáu Mạnh, người lối xóm bảo:
- Tôi thường thấy chúng nó tụ hội ngoài đầu cầu để uống rượu và hát xướng!
Một người khác:
- Uý mẹ ơi! Con gái đâu mà làm chuyện nhục nhã như thế được! Tôi thấy con Út cặp tay chúng đi nghều nghều và có rủ tụi nói đi về nhà nữa!
Tội nghiệp chú Phó Cao vô phước, mắc ở trong rẫy, đâu có hay con gái chú tác tệ như vậy!
Bác tư Bốn quyết định:
- Tôi phải lội vô rẫy kêu chú Phó Cao về, lừa khi lũ nó nhóm họp tại nhà chú, tôi giúp sức với chú hạ lũ nó cho kỳ được mới nghe!…
\*
\*   \*
Thế rồi một buổi chiều. Làng Thới Bình chìm đắm trong bóng hoàng hôn. Dòng sông Trẹm chỉ còn văng vẳng tiếng hò của một vài khách thương hồ.
Trên bờ kinh, ba bóng người đang rảo bước về phía nhà chú Phó Cao.
Chú Phó Cao – Vì chính chú - nghiến răng tức tối:
- Tôi không hiểu con Út làm gì mà quen với bọn nó?
Bác Tư Bốn châm dầu:
- Làng Thới Bình mang tiếng là khởi mầm làm tồi phong bại tục đi rồi! Trời ơi, mỗi lần tôi thấy con Ðẹt hay con Út nó bắt tay thằng đầu đảng Minh Tâm hay Minh Tánh gì đó, tôi gần như sôi gan lên!
Sáu Mạnh thêm:
- Mà cũng độc, con trai, con gái làng nầy tưởng như thế là “văn minh” nên mê như chết!
Một người một câu cũng đủ làm chú Phó Cao cháy ruột:
Tôi hgé nhà Thủ bổn Tịnh mượn ba cây chổi chà, hai ông giùm phụ lực với tôi quét sạch chòm ong lũ kiến này đi.
Trời đã tối mờ.
Con chó vàng nằm trước sân nhà chú Phó Cao chực sủa, nhưng chú đã chắt lưỡi nhè nhẹ, vỗ đầu nó, vuốt ve nó cho nó không lên tiếng rồi kéo sáu Mạnh, tư Bốn vào hàng ba.
Chú rón rén lại dòm kẹt cửa.
Con gái chú đang ngồi chung với ba bốn đứa con trai, lạ có, quen có, mạnh dạn bưng ly rượu hô hào:
- Mời các đại huynh hãy uống hết ly rượu này, để chứng kiến lời tuyên thệ của tôi. Tôi hứa sẽ làm sao đánh thức các hàng nữ lưu ở làng nầy rỉnh dậy, để được tiến theo kịp làn sóng văn minh các đại huynh nghĩ như thế nào?
Một thằng con trai lạ, ngồi đầu bàn đứng dậy:
- Vạn tuế bạn Kiều Nga! Bạn nói rất đúng. Phải xua đuổi cái hủ lậu đi, phải đưa trình độ chúng lên cao. Phải cổi dây xích của gia đình đang trói chặt họ, phải vứt đi không chút gì mến tiếc!
Một tràng pháo tay nổi lên.
Máu giận chú Phó Cao tràn lên óc, không còn sức lức đứng nghe nữa, chú tông cửa kéo tư Bốn, sau Mạnh xông vào, quơ chổi vừa đập bừa vừa hét:
- Ðây! Văn minh đây! Hủ lậu đây!….
Thấy mặt chú Phó Cao, tất cả hoảng hốt, chưa kịp đứng dậy, đã bị một trận đòn chổi như bão táp.
Chúng xôn xao, té lăn ra, bòn càn, mạnh ai nấy kiếm đường tẩu thoánt.
Bác tư Bốn quơ chổi lia lịa, la rầm lên:
- Bớ làng xóm, bớ người ta, tiếp bắt Quỷ vương!
Bao nhiêu chó trong làng hè nhau ra sủa làm huyên náo một góc trời.
Ðàng xa, tiếng mõ nổi lên vang lừng… Những ngọn đuốc sáng loà trong đêm tối, như sao băng, chạy dồn về tiếng kêu cứu.
Minh Tâm thoát được ra ngoài, hồn phi phách tán, lăn xả theo Vân Mộng kêu khe khẽ:
- Vân huynh, Vân huynh! Ðợi đệ theo với!…
Làng Thới Bình từ hôm ấy yên tĩnh lại trong chòm dừa. Những làn khói trắng trong mấy máinhà lá nhẹ nhàng bốc lên buổi ban chiều.
Dòng sông Trẹm lững lờ trôi vắng lặng.

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Tiếng hò trong đêm vắng**

Thầy ơi thầy, dậy mà nghe con nhỏ nó hò!
Tôi giật mình giụi mắt hỏi anh chèo: “Tới đâu rồi anh?”
- Dạ, vừa qua khỏi vàm Rạch Bần!
Tôi chồm ra ngoài nhìn cảnh vắng. Bên vàm, hàng dừa nước âm u lâu lâu thấy le lói một ánh đèn; bên bờ kia thỉnh thoảng nghe tiếng chày giã gạo, tiếng chó sủa đêm.
Ðêm nay chỉ có vành trăng hai mươi, nhưng sao đầy trời góp ánh sáng lại làm cho cảnh vật thêm ảo huyền thơ mộng.
Một làn gió nhẹ thoảng qua, tâm thần tôi thêm khoái sảng.
Vẳng xa, những giọng phù trầm êm ả của một điệu hò mê ly, đặc biệt chốn đồng quê, rõ lần trong lặng lẽ.
- Anh chèo ơi, lơi mái đợi họ lại gần, đi cho có bạn và nghe hò chơi anh!
- Xin lỗi thầy, nghe giọng hò của “con nhỏ” tôi đã rụng rời, lơi mái tự nãy giờ. Thế nào tôi cũng lên tiếng.
- Anh cũng biết hò nữa sao?
- Ðiệu nghệ mà thầy! Nói gì gặp phải tri âm, thức hò mấy đêm cũng không biết mệt.
- Ừ! Hò đối đáp nghe chơi, mà anh phải rán làm sao chớ để thua con gái, nhục lắm!
- Dễ không, để tôi bắt trớn cho thầy coi mà! Kìa, nó đã lại gần, tôi phải giáo đầu “nhập đề” mới được.
Hò hớ ờ ơ…
Bạc với vàng còn đen còn đỏ,
Ðôi đứa mình còn nhỏ thương nhiều,
Vừa nghe tiếng em là anh muốn như anh Kim
Trọng thương chịu Thúy Kiều thưở xưa… ơ…
Hò xong, anh ta đắc chí:
- Ðó thầy coi, thế nào rồi nói cũng trả lời, “điệu nghệ gặp nhau, là mầy tao quấn quít”!
Giọng phù trầm ngừng đi một chặp. Chúng tôi yên lặng chờ. Quả nhiên không sai lời anh chèo nói: “điệu nghệ gặp nhau, là mầy tao quấn quít”, tiếng hò lại nổi lên:
Hò hơ… ớ người không quen ơi,
Nghe anh, em cũng muốn thướng nhiều,
Nhưng hoa đà có chủ, khó chiều dạ anh.
Anh chèo xoa tay trả lời tức khắc:
- Hò hơ… chim kia còn thỏ thẻ trên cành,
Nghe em nói vậy, dạ không đành rẽ phân….
Giọng trầm cũng không chịu nhịn:
- Hò hơ… Bình bồng ở giữa giang tân,
Bên tình, bên nghĩa, biết thân bên nào?…
Anh chèo rối rít:
- Ðó thầy coi, ngon chưa? Trời ơi, cái giọng đáng yêu làm sao!….
- Hò hơ, ớ em ơi…
Nhứt lê, nhì lựu, tam đào,
Bên tình bên nghĩa bên nào cũng đồng thân.
Rồi anh lắng tai chờ.
- Hò hơ, mới mà chơi vậy chớ: Gió thổi hiu hiu, lục bình trôi riu ríu. Anh đừng bận bịu, bớ điệu chung tình, con nhạn bay cao khó bắn, con cá ở ao quỳnh cũng khó câu…
Anh chèo đã thấy đỗ mồ hôi, nuốt nước miếng anh bảo với tôi.
- Không được, tôi chưa hề gặp con nhò nào hò “chiến” như con nhỏ nầy, nó làm bộ có chồng để thử mình, rồi bây giờ lại làm cao, nếu ở hò cù cưa, thế nào cũng bị nó “hạ”. Vậy tôi phải trổ hết nghề đem điệu hò dài ra “tấn công” cho nó hết “ứ nhựa” hoạ may nó mới “xếp giáp quy hàng”.
- Hò hơ… Ớ nầy em ơi, em hãy nghe cho kỹ: xưa nay gái không cưới chồng, trai không ở goá, đoái thấy nàng xinh đã quá xinh. Buông lời vừa vỗ vế non, nếu như nàng lo việc cháu con, sao không kiếm chốn trao thân gởi thế?
Trên đời bá công bá nghệ, dưới lại là tứ thú tứ dân. Làm người sao khỏi chữ lương nhân, mà nàng chịu để phòng không ở goá? Sách có chữ rằng phụ nhân nan hoá, ít kẻ yêu vì. Nên lấy chồng phải luận phải suy, phải xem trong lóng đục, đây đã đến phải thời phải lúc… Hò hơ… hay nàng còn cúc dục cù lao… Ðể anh ngơ ngẩn ra vào, thầm yêu trộm nhó dạ nào bỏ anh?…
- Ðó thầy coi, thế nào nó cũng chết ngất, điệu hò dài phải đối dài, ngắn đối ngắn, nó mà đáp được kỳ này, thì tôi cũng cam giải nghệ cho rồi….
Tôi giục: “Kìa nín, nó đã đáp liền kia!”
- Hò hơ, ớ nầy anh nó ơi, số phận em giao phó cho trời xanh, lấy anh, em không lấy nhưng cũng không đành làm ngơ. Hò hơ… vốn em cũng chẳng bơ thờ, em đã hằng chọn trong lóng đục, nhưng vẫn còn ngờ nợ duyên. Hò hơ… vốn em cũng muốn lấy ông thầy thuốc cho giàu sang, nhưng lại sợ ổng hay gia hay giảm; em muốn lấy ông thầy pháp cho đảm, nhưng lại sợ ổng hét la ghê gốc; em muốn lấy chú thợ mộc, nhưng lại sợ chú hay đục khoét rầy rà; em muốn lấy anh thợ cưa cho thật thà, nhưng lại sợ trên tàn dưới mạt; em muốn lấy người hạ bạc, nhưng lại sợ mang lưới mang chài; em muốn lấy anh cuốc đất trồng khoai, nhưng lại sợ ảnh hay đào hay bới; em cũng muốn chọn anh thờ rèn kết ngỡi, nhưng lại sợ ảnh hay nói tức nói êm; ảnh hay cà riềng cà tỏi; em muốn lấy ông nhạc công cho giỏi, nhưng lại sợ giọng quyển giọng kèn; em muốn lấy thằng chăn trâu cho hèn, nhưng lại sợ nhiều điều thá ví; em muốn lấy anh lái buôn thiềng thị, nhưng lại sợ ảnh kêu rêu mắt rẻ khó lòng; em muốn lấy anh thợ đóng thùng, nhưng lại sợ ảnh kêu trật niền trật ngổng; em muốn lấy ông Hương ông Tổng, nhưng lại sợ việc tróng[4]việc gông; em muốn lấy anh gánh tay không, nhưng lại sợ treo đầu quảy; em muốn lấy chú hàng heo khi nãy, nhưng lại sợ chú làm lộn ruột lộn gan; em mujốn lấy anh thợ đát thợ đan, nhưng lại sợảnh hay bắt phải bắt lỗi; em muốn lấy anh hát bè hát bội, nhưng lại sợ giọng rỗi giọng tuồng; em muốn lấy anh thợ đóng xuồng, nhưng lại sợ ảnh hay đằn hay thúc… Hò hơ, mấy lời trong đục chẳng dám nói ra. Có thầy giáo tập trong làng xa, hay dạy răn, so đức hạnh ai bằng, lại con nhà nho học, sử kinh thầy thường đọc, biết việc thánh hiền. Hò hơ, gặp nhau em kết nghĩa liền, không chờ chẳng đợi cho phỉ nguyền phụng loan…[5]
Tuy anh chèo cứng họng, như tôi ngồi trong mui đã thấy khoái trá vô cùng.
Còn gì sung sướng cho bằng khi mình nghe “người ta” vô tình nhắc nhở tới mình, ca tụng mình trên dòng sông lờ lững?…
- Chắc anh “phọt phe” rồi phải không anh đò?
Anh ta đáp xuôi xị:
- Ý mèn ơi, tôi mới thấy con nhỏ hò lanh hết chổ!…
- Nầy anh, tôi nói thiệt cho anh nghe. Sao tôi nghe giọng hò của con nhỏ ấy tôi “mê” lắm. Anh biết tôi làm thầy giáo chớ. Nghe nói nó đang tìm kiếm kết duyên với chúng tôi, tôi cảm động quá anh à. Anh làm thế nào cho tôi thấy mắt “nó” một chút, “một chút xíu” thôi, rồi mình đi… được không?
- Có khó gì thầy, tôi kêu nó cặp ghe lại hỏi mồi lửa, thầy muốn nhìn bao lâu lại không được!
Rồi anh lập tức lên tiếng:
- Chị hò ơi… chị hò! Làm ơn cặp ghe cho mồi nhờ chút lửa, chị hò!…
Thấy bóng ghe chèo tới là tôi phấn khởi trong lòng, bò ra ngoài dòm lom lom.
- Ghe cặp chiếc đò, tôi càng thêm hồi hộp. Ôi! Tiếng hò như thế, còn người làm sao!…
Tôi hình dung một cô thôn nữ mày liễu má đào, có vóc mình thon thon, có bộ tịch khả ái…
Bỗng anh chèo đang ngồi nghỉ tay, giật mình đứng phắt dậy. Trong chớp nhoáng, anh bị một tên lực lưỡng thộp ngực anh, đưa ngọn dao ngang cần cổ:
- Nín mắt, la lên thì cụt đầu! Tao không động tới mầy đâu!
Còn tôi… chao ôi, tôi cũng kinh hồn lạc phách, rủi may phó mặc cho trời… Tôi chưa kịp nhảy xuống sông thì đã bị hai tên khác đè cứng dưới ván đò. Tôi giợm la nhưng một thằng trong bọn “ấn” cho tôi một cùi chỏ vào hông, đau lồng ngực lồng gan, nằm trợn trắng như chết nửa người.
Ðã thế, tiếng con nhỏ hò còn trêu gan trong mui nhỏ:
- Chú Bảy coi có con đàn bà nào ở trong mui, đè cổ lột cho tôi sợi dây chuyền!…

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Chợ hay quê?**

Miễu bà Chúa Xứ tự nhiên biến thành một hí trường.
Nhưng có mấy ai để ý đến đâu.
Người ta nói dân thị thành hay lạnh lùng mà đúng lắm vậy.
Cà mau ngày nay không còn là Cà Mau ba chục năm trước. Ba chục năm trước, trời vừa đổi sắc tím là “Ông thầy”,[6]bách bộ khoan thai ở bên kia sông Quan Lộ.
Cái thời “dã man” ấy chỉ còn vang trong mấy câu chuyện ly kỳ mà các bà mẹ thường kể lại cho những cậu… con nghịch ngợm hay đi bắt chim, hóot cá thia thia trên xóm miễu Bà:
- Gần miễu Bà đó biết không? Bên cây da mà tụi bây thường tới phá, hồi đó ông Thầy có lần móc họng mấy người đi câu.
Miễu Bà ở bên kia sông Quan Lộ. Mà bên kia sông Quan Lộ nay là xóm… Bến xe đò.
Hơn trăm nóc nhà, đèn điện, máy nước, quán cháo Tiều, một nhà bán hòm, và… cái miễu ở chính giữa.
Hàng năm, các ông cụ có tiền mướn hát bội cho Bà xem. Cho Bà xem, nghĩa là cho cả xóm xem.
Ông chủ nhà bán hòm là hội trưởng hội Miễu Bà. Ông là người kinh doanh. Ông biết nghĩ đến cái lợi cho làng nước. Ông nghĩ rằng xóm càng ngày càng đông sống yên ổn cũng nhòo Bà phù hộ. Mà càng đông cần phải có những cuộc vui, phải sống như người ta sống nơi đông đảo.
Muốn ăn uống? – Có quán cà phê!
Muốn cúng kiếng? – Có miễu Bà!
Không muốn sống nữa? – Ông là chủ bán hòmNhưng sống vui vẻ, không phải chỉ ăn mà thôi. Cần phải có những cuộc vui khác: Hí trường là một sự tối cần; chứng cớ, mỗi lần hát cho Bà xem, người hàng xóm đều đến xem ngập miễu!
Ông bắt đầu tể tiền cất một cái rạp lớn để chứa cho được nhiều khán giả!
Thằng Tám Méo vác mướn cũng hỉ hả góp hai cắc:
- Rồi mình tha hồ đến coi hát có lổ lả gì đâu?
Mỗi năm, mỗi mướn gánh hát. Mấy thằng cha Bầu Kẹo ở Rạch Bầu, Bầu Ngọ ở Cái Keo, Bầu Ba ở Ông Muốn… hè nhau lên giá kèo nài nhiều…
Cái gì mà một đêm hát tới hai chục, bộ muốn cắt họng người ta sao chớ? Ông chủ bán hòm tức giận. Ông họp các hội viên lại bàn rằng:
 - Bây giờ tôi định làm như vầy để cho tụi Bầu Kẹo… nó hết hạch sách. Tôi xuất vốn mướn đào kép, mua đồ… nghĩa là lập một gánh hát riêng, để đi hát các nơi, chừng ngào tới kỳ vía Bà, tôi cúng mấy đêm… các ông nghĩ sao?
- Thì còn nghĩ sao nữa? Ông hội trưởng là người kinh doanh. Lập một gánh hát bội là chuyện… tiền bạc! Mà tiền bạc! Nhờ trời nhờ Diêm chúa – Ông có khá khá đôi chút!…
Miễu Bà tự nhiên lại biến thành một hí trường. bởi ông chủ hòm nghĩ rằng – đúng hơn ông nghĩ rằng “hát bội làm tội người ta” - để tụi nó đi chơi bời, đĩ thoả, bài bạc hư thân. Mình muốn ích nước lợi dân, đi hát đâu chi cho xa, mỗi đêm ở đây mỗi hát, vừa… cho Bà xem, vừa cầm chân đám dân “thân yêu”. Tốn bao nhiêu? Một cắc bạc?
- Các ông có bằng lòng cho tôi làm như vậy không?
“Các ông” đây là các hội viên. Các ông thấy cái ý ấy “tự nhiên” quá, mà cái dân thành thị kia cũng không ai để ý đến.
Năm nay hát xong ba đêm cúng Bà, người ta thấy một tấm bảng giấy đỏ dựng trước miễu:
Ðêm nay chúng tôi viễn tuồn: “Quê dun đạo: Tuần thật là ly kỳ. Dô cửa: một cắc bạc!
Rồi tới đến, người ta đem theo cắt bạc bỏ vào cái thùng của cộ Tám, con ông Hội trưởng và vô để xem một đệ nhất anh – hùng của thời Tam Quốc.
Ðêm sau, rồi đêm sau…
Thói quan, thằng Tám Méo cũng quen. Cả xóm đều quen… Cả Cà Mau quen luôn! Hát bóng nói ở các tỉnh lớn dễ đã được hoan nghinh hơn!
Một tháng, hát không nghỉ đêm nào. Nhưng mãi rồi tuồng nó cũng hết: Huê – Dung - đạo, Ông thất thủ Hạ - Bì, Trảm Trịnh Ân, Dự Nhượng đả long bào, Bao Công xử án Quách Hoè, Phụng Nghi Ðình, v.v… rồi cũng không ai cấm: Huê dung đạo, Bao Công xử án Quách Hoè, Phụng Nghi Ðình, v.v… trở lại đâu! Và anh kép Tám Bí làm Ông hay làm sao, còn cô đào tư Bé làm Ðiêu Thuyền mới mê mẫn khách mày râu đi coi lần thứ mười đã thấy chán chưa mà!
Nhưng ông Bầu Hai – Ông chủ bán hòm – là người kinh doanh. Năm một ngàn chín trăm ba mươi ba… Một hôm, cái bảng giấy liễn đỏ, đầy đặc những chữ to to bất chấp chánh tả:
Bổn ban mới tiển được nhiều cô đào khát. Ngoài cô Tư Bé, Xáu Liệu, Ba Kiêm, còn tất cả 9 đàu. Luôn tiên, xửa rạp lại, chia hạn: Thượn hạn: 5 cắt, hạn nhứt: 3 cắt, hạn nhì: 2 cắt, hạn ba: 1 cắt… Và mỗi chiều thứ bảy có đêm đặt biệt cho quý Ông, quý Thầy, có chưn bươm bướm. bổn ban đã chỉn đốn theo cải lươn. Bỏ qua rất uổn…
Nếu đã có “quí thầy” chiếu cố, thời “chỉn đốn” theo Cải lương là phải.
Trống chầu không hồi ba nữa. Chiều chiều, mấy đứa nhỏ con hàng xóm giành nhau cái trống còn một mặt, và hè nhau nện “tành tạch, tành tạch”.
Ban nhạc mới mời được tay đờn kìm sành Vọng cổ.
Cây kèn đại vốn chát chúa đã biết đưa hơi bằng giọng rè rè run run của anh Thôi Tử trong câu nhập Vọng cổ: “Giã bạn lên đàng…”. Tiếng kèn đại mà nhồi chữ “đàng” thì phải biết, nó lâm ly đặc biệt!
Dầu sao, người ta không còn thấy những ông tướng thổi kèn đưa cái lưng trùi trụi, ngồi trên sân khấu nữa. “Ðúng tám giờ rưỡi”, - ấy là cái bảng giấy đỏ nó quả quyết như vậy, - thay vì ba hồi trống cơm ra tuồng, có tiếng chuông rung… lạch cạch, leng keng… y như Cải lương.
Một thằng quân mặc áo thêu rồng cũ, lụng thụng, đội mão xanh, ra chào “quí khán quan đã hạ cố đến giúp bổn ban”… và cứ “tái bản” câu ấy đến mươi lượt trong vài lời cảm tạ.
Quý khán quan? cứ đến một buổi chiều thứ bảy đển xem đêm hát đặc biệt có chưng bươm bướm, người ta đều thấy có nhiều quan ký lục, một quan thầy thuốc, một quan phán, và một quan… “giượng mụ”, chồng của cô mụ tỉnh thành!
Nói là chiều thứ bảy mới có đêm hát đặc biệt nhưng mấy quan – hình như họ có hẹn hò với nhau - Cứ đến chín, mười giờ mỗi đêm là đã ngồi quanh cái bàn con đặc giữa rạp, sát sân khấu, nhâm nhi mấy ly rượu bia.
Mấy quan hình như cũng thưởng thức tài nghệ của “chín đào”, và đã để ý đến cô đào chánh tư Bé, một ngôi sao sáng của Bầu hai, nên mỗi lần tư Bé ra tuồng, mấy quan vỗ tay rầm lên, mà lại cón móc bốp liệng mấy “con công” lên để thưỏng lúc tư Bé hay đặc biệt nữa là khác.
Mỗi lúc như vậy, cô tư Bé không quên nghiêng mình, mỉm cười như hoa nở, đưa cặp mắt tình tứ xuống mấy quan rồi uốn éo tung hô:
- Bá, bá phúc!
Nhưng, ngoài mấy quan ra, có những quan đẳng cấp thấp hơn, vì người ta vẫn nhớ rằng rạp hát ở giữa xóm xe đò!
Các ông tướng xe đò cũng không kém, cũng thưởng thức tài nghệ đào kép, cũng có lúc vỗ tay, lúc la rầm lên:
- “Ra quô” cô tư Bé!…
\*
\*  \*
Một buổi thứ bảy. Tuồng Phụng nghi đình. (Quái lạ! sao cứ luôn luôn ở vở tuồng này!) Cô tư Bé mà đóng vai Ðiêu Thuyền, thì không phải nhắc thêm lần thứ hai nữa, nó mùi mẫn đến thế nào ấy!
Nhưng người ta đồn rằng tư Bé đã được một quan “chiếu cố” đến hơn nhiều một chút, và đã sắp sanh một… quan con!
Bởi thế nên đêm ấy, một cô đào khác đóng vai Ðiêu Thuyền. Nhưng, khốn nổi cô đào thế vai ấy không được hân hạnh có cái nhan sắc chim sa cá lặn.
Các quan hình như là không bằng lòng cho lắm.
Các ông tướng xe hơi cũng thấy ngay tẩy rằng cô Ðiêu Thuyền mà “đẹp” như vậy, thì thằng cha Lữ Bố nếu có say mê, chắc là tại nó … buồn ngũ quá rồi!
Nghĩ như vậy, một ông “tướng” tưởng nên nói cái ý nghĩ thành thật của mình ra cho mọi người cùng biết.
Lúc Ðiêu Thuyền vuốt ve Lữ Bố, ông tướng xe hơi cười to lên, phùng mang thổi một cái hoét, rồi la:
- Ê! Cái mặt Chung Vô Diệm!
Cô Ðiêu Thuyền có lẽ thấy rằng ông tướng dốt truyện Tàu quá lẽ, dám lộn Ðiêu Thuyền với Chung Vô Diệm, nên cô cũng không ngần ngại gì, ngưng hát một chút, quay mặt ra khán giả, nói ngay ý tưởng mình bằng một câu trả lời:
- Xin lỗi quý ông, quý bà, khốn nạn cái anh nào nói tôi là Chung Vô Diệm!

**Phi Vân**

Ðồng quê phỏng sự

Phần thứ nhất
Phỏng Sự Ngắn

**Các trò ơi, Thầy phen nầy thọ tử**

Bạn hãy cùng tôi “du lịch” một vòng xuống các miệt “hóc Bà Tó”, “chó ăn đá, gà ăn muối”, để tìm những cái lạ lùng, lạ lùng cả đến cái tên: Bãi Háp, tắc Ông Do, mương Chệc Kịch, Tham Trơi, U Minh, Dớn, v.v….
Ở đồng quê, thế mà lắm chuyện.
Nhưng hãy khoan, ta tạm dừng chơn nơi xóm Kiến Vàng để biết thêm chút nhơn tình thế thái.
Thuộc làng Tân Hưng Ðông, ấp Kiến Vàng chia ra làm hai xóm. Thiên hạ hai bên thù nhau từ đời nào không biết mà hồi ấy họ ghìm nhau như địch thủ.
Và không khác hai nước đương chiến, họ tìm mọi cách để ngầm giết nhau. Họ nuôi râu cọp, tìm đủ thứ thuốc độc bỏ trong nước, trong món ăn, thuốc nhau chết như rạ. Thành ra, ở đó không ai dám tin ai, nhà nào nhà nấy giữ gìn từ lu nước món ăn, tiệc tùng đâu mời cũng không dám tới.
Một ngày ở đó là một ngày phập phồng.
Tuy nhiên, trong các nghề kiếm ăn, nghề “dạy học” vẫn giữ một địa vị quan trọng ở đồng, đâu đâu cũng không dám coi thường. Thế nên, là “thầy giáo” thì ở đâu cũng dám tới.
\*
\*   \*
Con nít ở Kiến Vàng là con nít đủ tài thao lược.
Trên bộ, chúng ruồng tất cả rừng rậm chông gai, bắt rắn như bắt ếch, bắt chim như bắt gà, thôi thì đạo binh của rừng bụi đều kinh hồn mất vía.
Buồn? Chuíng có thể lôi đầu mấy con rắn hổ ngựa từ trên cây xuống… đá như đá ba lông, chúng có thể nắm chóp hết những con kỳ nhông rắn mối ra “rô ti…” nhậu rượu!
Dưới nước, tốp khác không kém, chúng là một đoàn thủy quân bơi lội “dàng trời ban”. Liệng chúng xuống bùng binh sâu hoắm tối ngày chúng không uống một chút nước, không biết lạnh, mà lại còn mò lên một mớ tôm cá mới tài! Chúng lại thường theo cha chú ra vàm sông Mang Giỗ ban đêm soi sấu, vớt những con sấu con đem về cho… cắn lộn.
Khi chán chê rồi, chúng vẫy tay một cái là vật đầu đem nướng!
Khốn nạn, tôi lại lọt đến cái xóm ghê hồn ấy! Ðã bảo thầy giáo ở đâu cũng dám tới mà! Ðiều nên biết là trước tôi, đã có không biết bao nhiêu thầy vì chịu không nổi lũ con nít “trời đánh” ấy phải xuốn gói bỏ trường mà trốn đi.
Nhưng rồi thằng “thiên lôi chạy mặt” như tôi cũng cai quản được cả đoàn.
Dầu vậy, trước khi làm Tổng tư lịnh cả hai bộ thủy và lục quân ấy, tôi bị thử phép gần trầy vì tróc vảy.
Nầy, lục quân: Hạ thủ một con rắn hổ? Chúng làm bộ như sợ sệt, viện đến tay thầy. Thì “rụp” một cái, thầy vỗ cửa hang “bòm bòm”, miệng làm bộ lâm dâm câu thần chú “Án đà ra họng rị…” rồi chĩa đầu con rắn đem lên!
Bắt con chim “bánh ích”. Thầy là một tay bắn giàn thung thiện xạ!
Chúng quyết bắt Thầy ra đồng trọn ngày chúa nhựt để bỏ đói? Thầy vui lòng móc củ bồn bồn, hoặc bẻ trái dừa nước ăn cho no và còn mở tiệc khao quân là khác nữa!
Nầy, thủy quân: Chúng rủ thầy chèo ghe ra cửa biển chơi mỗi chúa nhựt? Xa bao nhiêu thầy cũng vui lòng cầm chèo lái. Vác lưới đi đánh cá cháo, lặn cá dầy? Thầy phóng xuống bùng binh trước nhứt.
Tắm, chúng muốn trấn nước Thầy? Thầy là một con rái, hiên ngang hoạt động dưới nước như trên bờ!
Thế rồi, trong vòng một tháng, tôi nắm chắc chức Tổng tư lịnh trong tay, các… tiểu anh hùng đều bái phục.
Thôi thì mặc ai làm gì thì làm, tôi nằm tréo ngoảy ở nhà, muốn cá có cá, muốn chim có chim, hô lên một tiếng là có đồ đệ đến hầu.
\*
\*   \*
Một hôm, có anh thợ săn trong ấp bắt được một con “heo cấn” (heo rừng có chửa). Anh mổ bụng lấy bọc con ra đem tiềm thuốc bắc. Ðấy là món ăn quý nhất mà tôi đã thèm thuồng từ lâu.
Anh cho mời… thầy giáo!
Lần thứ nhứt, tôi đi dự tiệc nhà người. Bữa ấy tôi ăn hết nửa con heo con đỏ ói trong bọc, và nhậu trên một cốc rượu rừng, pha mật ong.
Về nhà bỗng dưng tôi thấy tối tăm mày mặt, ruột thắt gan bào.
Thôi chết rồi, chắc chắn là tôi bị trúng thuốc độc!
Mỗi lần tưởng tượng đến cả ngũ tạng lục phủ tôi sẽ liệt bại rồi chết lần mòn, tôi mê sảng nằm kêu rên không ngớt miệng.
Học trò lũ lượt đến đứng quanh giường.
Tôi nhìn qua một lượt, nắm tay từ đứa, ứa nước mắt trối dài:
- Các trò ơi! Thầy phen nầy thọ tử!
Anh thợ săn nghe tin cũng khiếp vía, chạy rước được một vị danh y về khám bịnh.
Sau khi nghe tôi thuật chuyện, ông thầy chăm chú xem mạch xong, vuốt râu cười khì:
- Tôi nói thầy đừng giận. Hôm trước, trong mình thầy hơi yếu, thầy lại ham… ăn “heo cấn” quá nhiều. Vón là một thức ăn hết sức mát, tì vị thầy không chịu được, nó hàn, và sẵn thầy uống rượu rừng không quen, hai thứ đó nó “vật” thầy “sập” chớ ở đây ai “thuốc” thầy làm chi!

Sanh nghề tử nghiệp

Bước bình bông đưa tôi đến một nơi sằn dã quê mùa ở tận cùng mũi đất của bán đảo Ðông Dương: Năm Căn!
Dân Sài Gòn hay hầu hết dân “miệt trên” khi nghe đến tên, ắt hẳn trong đầu đều có ý tưởng cao cả về trình độ của mình trên bước tân tiến… và tự nhiên thấy có cái thú chế giễu những cách ăn ở quê mùa bằng mấy tiếng: Dân Năm Căn phải không?… Ở Năm Căn phải không…
Nhưng bạn ơi! Năm Căn bây giờ không còn là quê mùa nữa. Ngoài những xóm lò than rộng lớn, thiên hạ đông đúc, cờ bạc, sa ngã, còn lắm cái lạ lùng, lạ lùng đến chuyện tôi kể cho bạn nghe về “Mét Văn Quang” (Maitre Văn Quang).
Ghê chưa? Chỉ vỏn vẹn tiếng “Mét Văn Quang” bạn cũng đủ thấy Năm Căn ngày nay đã khác lắm rồi.
Nhắc đến “Mét Văn Quang”, tôi phải nhớ ngay đến các bác họ “Mét”, và cũng không thể quên được những mánh khoé bịp đời của hạng người mang khiếng trắng có đủ thứ hình “tay nâng càm”, “tay chống nạnh” đăng trên các báo.
Hạng người ấy tự xưng là “Mét” hoặc “Giáo sư”. Nhưng nói cho phải, mấy ông “Giáo sư” trên đây đáng liệt vào bậc “sư bác” trong làng bói, vì họ sống nhiều khi, sang như ông Hoàng: nay ở “ô ten”, mai ở phố lầu.
Họ còn một đàn em sống vất vả lắm, một đàn em không tên tuổi, không “mét”, không “bờ rồ phết xơ”… mà lại là những cánh bèo thả trôi theo dòng, từ kinh thành mò đến làng mạc hẻo lánh, từ góc chợ đến những… hang cùng ngõ hẻm.
Họ cũng thường “tấp” vô ô ten, nhưng một thử ô ten rẻ tiền: chốn “yên hà cuộc tỉnh say”!
“Mét Văn Quang” của tôi không phải là bực đàn em ấy, mặc dầu “Mét” lập “đại bản dinh” ở tận chốn hang cùng: Năm Căn.
“Mét” quả là một “thiên tài”!
Cái câu quảng cáo dán trước bàn: “Một thiên tài đã từng được Tây, Nam khen tặng” chắc hẳn là câu nói không ngoa!
Mà… “Mét Văn Quang”! Than ôi! “Mét Văn Quang” ngày nay đã ra người thiên cổ mất rồi! Nhưng đây là đoạn chót của câu chuyện và các bạn sẽ cho phép tôi bắt chước nói như nhà văn hào C. Farrère trong một chuyện ngắn: “Ai lại bắt đầu câu chuyện bằng cái kết cuộc bao giờ?”
“Mét Văn Quang” như tôi đã nói, là người có tài: Tài đoán số, tài coi tướng, coi tử vi, mà đặc biệt hơn hết là tài “lẻo mép, lanh mồm”!
Thì đây, có lần tôi đến viếng “Mét”.
“Mét” hỏi:
- Ông sanh năm nào, tháng nào, ngày nào?
Tôi vừa trả lời dứt là Văn Quang hí hoáy viết không đầy một phút, đã nói những cái quá khứ… đến nhiều lúc tôi phải ngạc nhiên tưởng rằng tất những ngày qua rồi vẫn còn ghi trên tròng mắt tôi, mà hôm nay Văn Quang chỉ có đọc lại thôi.
Ấy thế, “Mét Văn Quang” được cả dân Năm Căn hâm mộ đồn đi mấy dặm… rừng: Nhưng Miên, Tân Ân, Hàng Vịnh v.v…
Nhưng đấy, lắm khi có người chỉ vừa nói ngày sanh, là Văn Quang đã mở hết tốc lực chạy… để rồi không đi đến đâu cả.
Và ở vào mấy trường hợp khác, vài ông khách “hâm mộ” phải ngạc nhiên vì cha mẹ họ vẫn sống sờ sờ và Văn Quang buộc rằng đã mồ côi, mồ cút; hoặc vẫn chất phác làm ăn mà “Mét” lại bảo có lần “đánh trộm người hàng xóm” để rồi còn tiên đoán cho họ nhiều “tai vạ” khác nữa.
Khách vừa mở miệng cải thì “Mét” đã chận họng bằng câu:
- Tôi đã rao trước rồi kia mà, ông không thấy tấm bảng đề: “Nói không tư vị” hay sao?
Nhưng nếu khách có là một người mồm mép lắm:
- Ậy mà những lời “không tư vị” của ông đều trật bét hết!
Tức thì Văn Quang lỏ cả hai mắt tròng chừng như lọt ra khỏi tròng:
- Trật à? Tôi mà đoán trật?
Và khi hỏi kỹ lại… thì Văn Quang xuýt xoa bảo:
- À! tại tôi đoán lộn tuổi khác, xin lỗi ông đấy!…
Nhưng cái lỗi ấy không phải ai cũng tha được như những nơi có “khuôn phép” chốn thị thành.
Thế là “Mét Văn Quang” có lần bị người ta bắt đền tội. Người ấy là một vị đại điền chủ có thể lực, keo kiết và tàn nhẫn, ở làng kế cạnh.
Một hôm ông đến viếng “Mét Văn Quang” với tất cả cái keo kiệt và tàn nhẫn.
Văn Quang thấy mặt ông, ngang nhiên hỏi:
- Ông mấy tuổi?
- Bốn chục.
Văn Quang không hỏi thêm nữa, có lẽ cái tuổi “bốn chục” nó đủ gợi cảm cho nguồn… hứng rồi, nên dõng dạc bảo:
Ông là người thất tín! Cách đây 13 ngày ông lừa bạn ông để lấy một số bạc ngàn… Vì vậy tôi quả quyết hai ngày tới đây ông sẽ bị nắm chóp…
Ông điền chủ hốt hoảng, mặt bổng nhiên nổi giận hầm hầm lên. Ông sùi bọt mép, chẳng nói chẳng rằng, với cái tàn nhẫn bấy lâu, ông vụt nắm lấy “Mét Văn Quang” tặng một “cú đìa rét” như các nhà võ sĩ tặng nhau trên trường diễn võ, rồi ông đấm đá “sặc cà rây”.
Văn Quang la vói:
- Tôi đã bảo “không tư vị”, “không tư vị” kia mà!
- Ừ thì “không tư vị”… Bốp!… Bốp!…
Chúng tôi đứng ngoài bất nhẫn lắm, nhưng có người nào có dám “nhào” vô cho mang vạ, ai cũng biết - trừ “Mét Văn Quang”, lẽ cố nhiên – ông ấy mạnh như thần!
- Vậy mà cũng đoán số! Sao mầy không đoán cái số mầy…. chết về tay tao, thằng kia?…
Hai hôm sau, “Mét Văn Quang” đoán số mình không sống nổi nữa, nên đã trút linh hồn tại xứ Năm Căn: cái xứ mà “Mét” đã phụ vào một chút công làm trôi mất tiếng quê mùa!
Hết
------------------------
[1]Một tướng cướp lừng danh ở miệt đó.
[2]Con heo, theo ngôn ngữ của ông đồng, bà cốt.
[3]một loại thơm (dứa).
[4]Tróng: cái tróng: gông đóng, tróng mang.
[5]Mấy câu hò trong bài này tôi chép hối hả trong mui ghe theo giọng hò đối đáp, có thể sai đi ít nhiều. Nhưng tôi không sửa được vì không có nguyên văn, xin nhờ bạn đọc nào biết rành bổ chánh giùm cho.
[6]Cọp

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: Đời tỵ Nạn
Được bạn: MS đưa lên
vào ngày: 24 tháng 1 năm 2004